

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đào Thị Thủy

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG – 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ GIAO NHẬN HÀNG HÓA F.D.I**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Đào Thị Thủy

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đào Thị Thủy

Mã SV: 1412401052

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả
kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao
nhận hàng hóa F.D.I

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I.

- Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2017

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I

- Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đào Thị Thủy

ThS. Ninh Thị Thùy Trang

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUỠT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Ninh Thị Thùy Trang
Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh
Họ và tên sinh viên: Đào Thị Thủy Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I
Nội dung hướng dẫn: Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trên cơ sở mô tả thực trạng tại đơn vị, đề xuất ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho đơn vị.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Có ý thức tốt trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp.
- Có tinh thần ham học hỏi, tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn.
- Đảm bảo thời gian thực hiện đúng tiến độ qui định.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối khoa học và hợp lý, chia làm 3 chương:

Chương I: Tác giả hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2017). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán tương đối hợp lý và logic.

Chương III: Tác giả đánh giá những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày 01 tháng 06 năm 2018

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ninh Thị Thùy Trang

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1.Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2.Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:.....	2
1.1.2.1. Doanh thu	2
1.1.2.2. Chi phí.....	5
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh	7
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.	8
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	9
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	9
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	10
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	11
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng	11
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	11
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	14
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	16
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	16
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	16
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	17
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	20
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	20
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	20
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	20

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	22
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	22
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	22
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	22
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	25
1.2.6..1. Chứng từ sử dụng	25
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	25
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	26
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	27
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	27
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	28
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	29
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính.....	30
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIAO NHẬN HÀNG HÓA F.D.I	31
2.1.Khái quát chung về Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I	31
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	31
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	31
2.1.3. Hệ thống tổ chức của Chi nhánh công ty TNHH thương mại & dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng.....	32
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán và hình thức, chính sách kế toán đang áp dụng tại công ty.....	33
2.1.4.1. Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty.	33
2.1.4.2. Chế độ kế toán.....	34
2.1.4.3. Hệ thống chứng từ sử dụng tại đơn vị.....	35
2.1.4.4. Trình tự và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán.....	35
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính	36
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại & dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng.	37
2.2.1. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại công ty	37

2.2.1.1. Đặc điểm các loại dịch vụ tại công ty	37
2.2.1.2. Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty	38
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng	38
2.2.1.4. Chứng từ, sổ sách sử dụng.....	38
2.2.1.5. Quy trình hạch toán	39
2.2.2. Kế toán giá vốn dịch vụ công ty	51
2.2.2.1. Tài khoản sử dụng	51
2.2.2.2. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng	51
2.2.2.3. Quy trình kế toán giá vốn cung cấp dịch vụ tại công ty.....	51
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty	66
2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh	66
2.2.3.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng.....	66
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng	66
2.2.3.4. Quy trình hạch toán	66
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	72
2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính của Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I.....	72
2.2.4.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng.....	72
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng	72
2.2.4.4. Quy trình hạch toán	72
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	78
2.2.5.1. Đặc điểm thu nhập khác và chi phí khác của Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I.....	78
2.2.5.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng.....	78
2.2.5.3. Tài khoản sử dụng	78
2.2.5.4. Quy trình hạch toán	78
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	84
2.2.6.1. Tài khoản sử dụng	84
2.2.6.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng.....	84
2.2.6.3. Quy trình hạch toán	84
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIAO NHẬN HÀNG HÓA F.D.I.....	93

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng	93
3.1.1. Ưu điểm.....	93
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng	96
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	105
1. Kết luận	105
2. Kiến nghị	105
TÀI LIỆU THAM KHẢO	106

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, nền kinh tế nước ta đang không ngừng vươn lên để khẳng định vị trí của mình. Các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau ngày một khốc liệt. Sự phối hợp hoạt động một cách nhịp nhàng, hiệu quả giữa các bộ phận cấu thành chính là chìa khóa dẫn đến những con đường thành công, khả năng tồn tại lâu dài của một doanh nghiệp. Kế toán chính là một phần trong số đó. Bộ máy kế toán luôn được coi là cánh tay phải đắc lực, là cơ sở quan trọng để lãnh đạo của doanh nghiệp đưa ra các quyết định quản lý.

Qua thời gian thực tập tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I, em nhìn thấy được sự quan trọng của công tác kế toán nói chung và đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng, vì vậy em quyết định chọn đề tài: “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I**” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, bài khóa luận của em gồm có 3 chương:

❖ **Chương 1:** Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

❖ **Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I

❖ **Chương 3:** Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I.

Trong quá trình hoàn thiện đề tài, em luôn nhận được sự giúp đỡ chỉ bảo nhiệt tình của cô Ninh Thị Thùy Trang và các anh chị phòng kế toán tài chính tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng.

Tuy nhiên, do hạn hẹp về mặt thời gian thực tập cũng như kiến thức, hiểu biết của bản thân chưa đầy đủ nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đào Thị Thủy

CHƯƠNG 1:**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu hoá chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và vay trong bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước.

1.1.2. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:**1.1.2.1. Doanh thu**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác ” ban hành và công bố theo quyết định số 149 /2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu

được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

Các loại doanh thu

❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

• Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

- + *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp*: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người

mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

+ *Tiêu thụ theo phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đổi đi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa đó trên thị trường.

❖ **Doanh thu thuần**: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm**:

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
- *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.
- *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Thu nhập khác**

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí

❖ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí quản lý kinh doanh:** chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- **Chi phí bán hàng:** bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) .

❖ **Chi phí tài chính:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

❖ **Chi phí khác:** là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;

- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:
 - + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận} & & \text{Doanh thu} & & \text{Giá} & & \text{Chi phí} \\ \text{thuần từ hoạt} & & \text{thuần về bán} & & \text{vốn} & & \text{quản lý} \\ \text{động sản xuất}} & = & \text{hàng và cung}} & - & \text{hàng}} & - & \text{kinh} \\ \text{kinh doanh}} & & \text{cấp dịch vụ}} & & \text{bán}} & & \text{doanh} \end{array}$$

- + Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận tài} & & \text{Doanh thu hoạt} & & & & \text{Chi phí tài chính} \\ \text{chính}} & = & \text{động tài chính}} & - & & & \end{array}$$

- + Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận hoạt} & & \text{Thu nhập khác} & & & & \text{Chi phí khác} \\ \text{động khác}} & = & & - & & & \end{array}$$

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi} & & & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{nhuận kế} & & & & \text{từ hoạt} & & \text{từ hoạt} \\ \text{toán trước} & = & & + & \text{động} & & \text{động tài} \\ \text{thuế} & & & & \text{SXKD} & & \text{chính} \\ & & & & & & + \text{Lợi nhuận} \\ & & & & & & \text{khác} \end{array}$$

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Thuế TNDN} & & \text{Tổng lợi nhuận kế} & & \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} & = & \text{toán trước thuế} & \times & \text{thuế TNDN} \end{array}$$

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Lợi nhuận sau} & & \text{Tổng lợi nhuận kế} & & \text{Thuế TNDN} \\ \text{thuế TNDN} & = & \text{toán trước thuế} & - & \text{phải nộp} \end{array}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo các chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị ...

- Lựa chọn phương án và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để tăng lợi nhuận.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê sao của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

a) Bán hàng hóa: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư;

b) Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

c) Doanh thu khác.

Kết cấu tài khoản 511

Bên nợ:

- Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911.

Bên có:

- Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hoá, vật tư, lương thực,...

- *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

- *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

- *Tài khoản 5118 - Doanh thu khác:* Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

❖ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

- Thông tư 133/2016/TT-BTC đã bỏ hết các tài khoản theo dõi các khoản giảm trừ doanh thu như hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại.

- Khi có các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ thì kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Có TK 111, 112, 131 (số tiền giảm trừ)

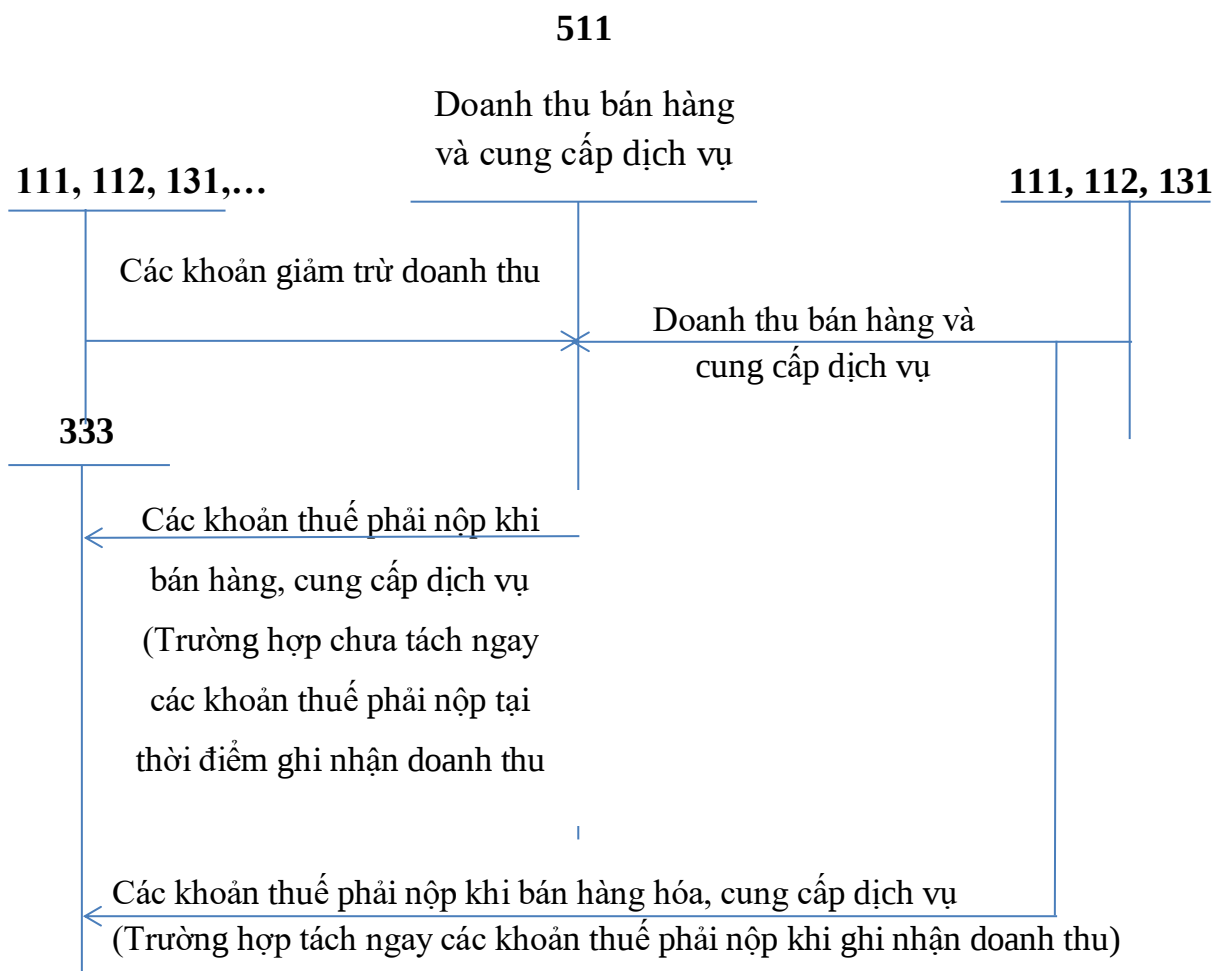
❖ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được khái quát sơ đồ 1.1 như sau:



Sơ đồ 1.1- Sơ đồ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho...
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

Kết cấu tài khoản 632

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Bên Nợ:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:
 - + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
 - + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
 - + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
 - + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh:
 - + Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ;
 - + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT;
 - + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ;
 - + Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ;
 - + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ;
 - + Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá;
 - + Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
 - Trị giá hàng bán bị trả lại;
 - Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh);
 - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ;
 - Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại;

- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”; TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang”;

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);

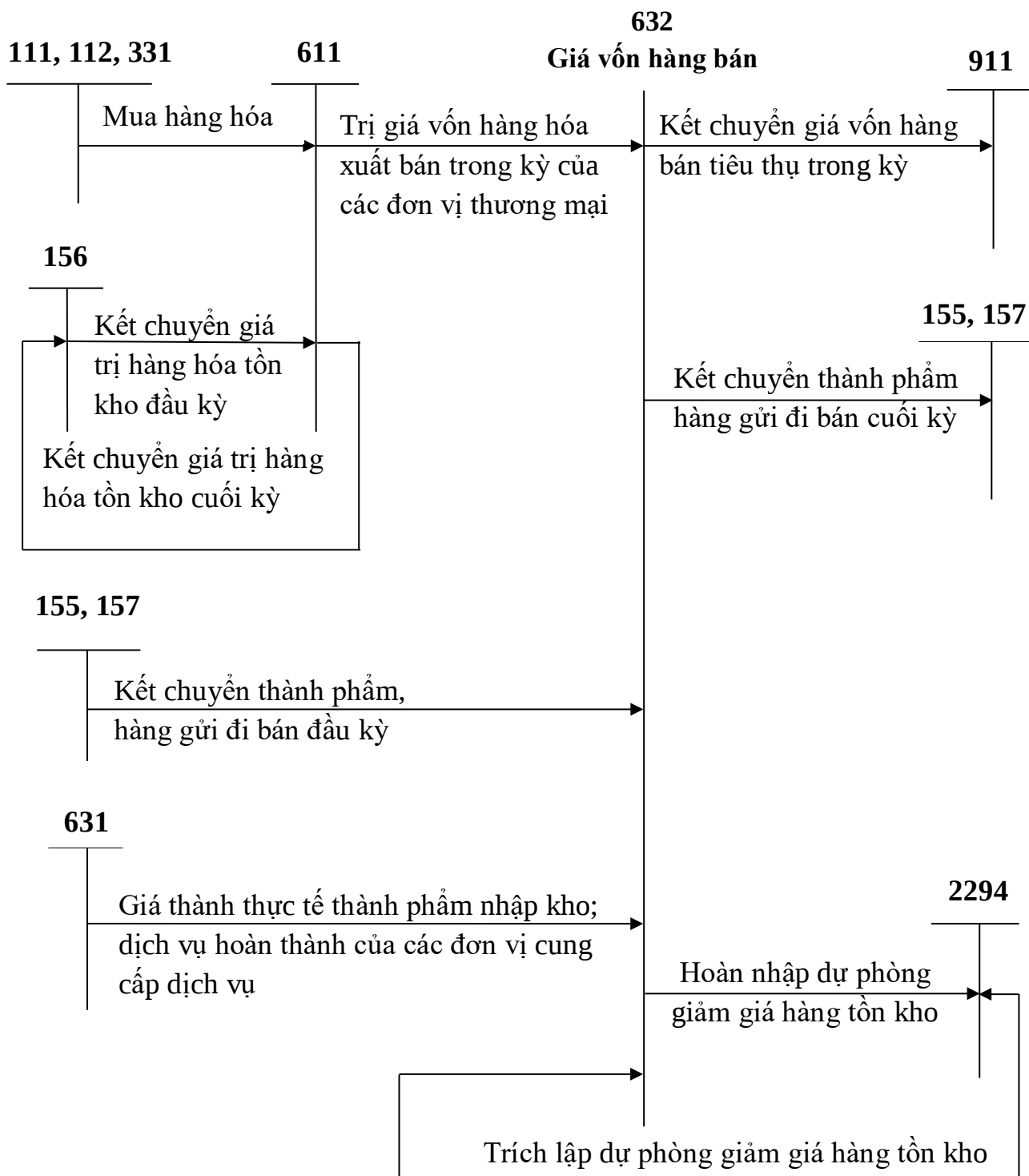
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

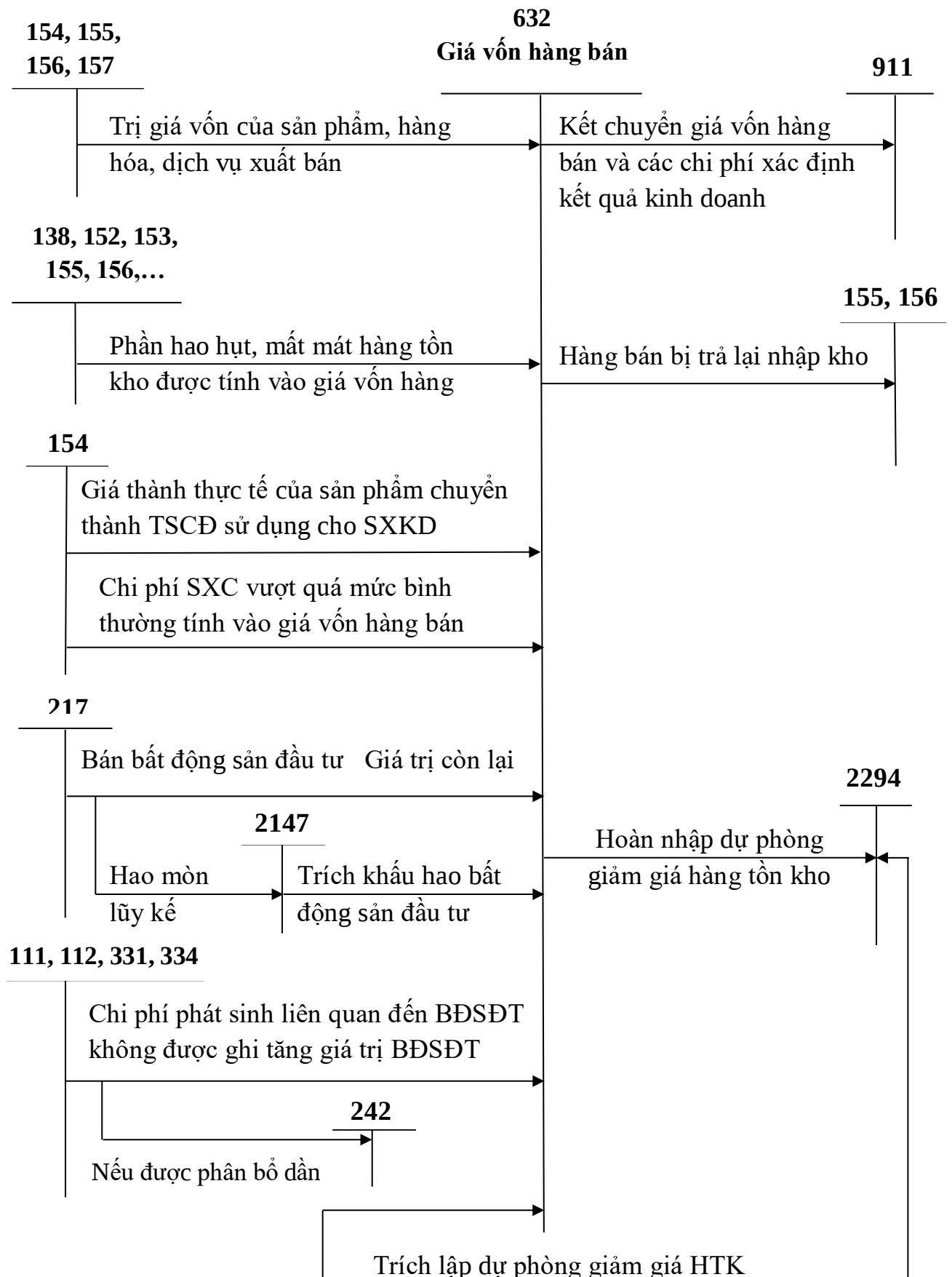
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê**khai thường xuyên**

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**1.2.3.1. Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi, phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng**❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 515**Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ**❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

Kết cấu tài khoản 635**Bên nợ:**

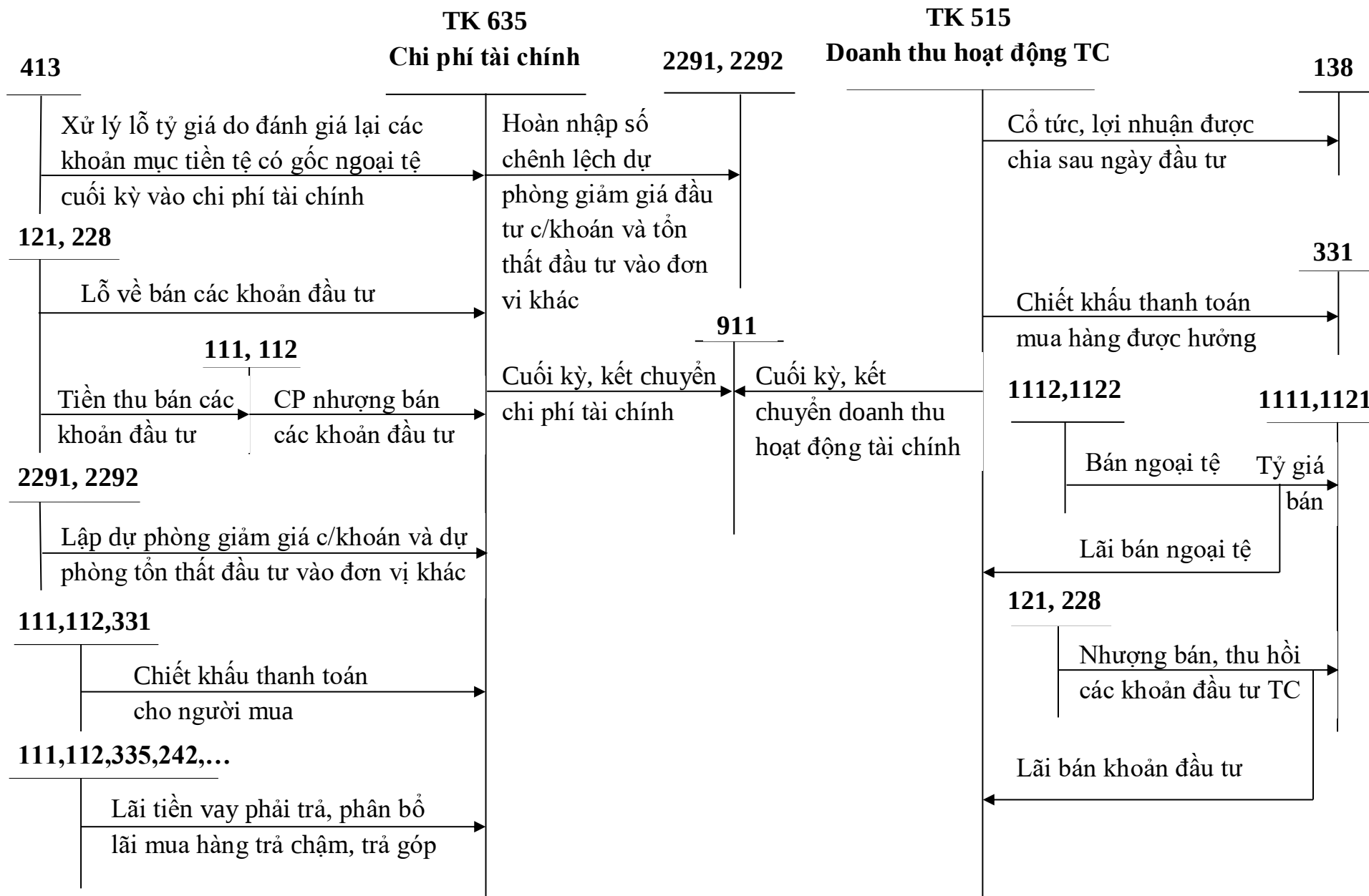
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ
- Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước).

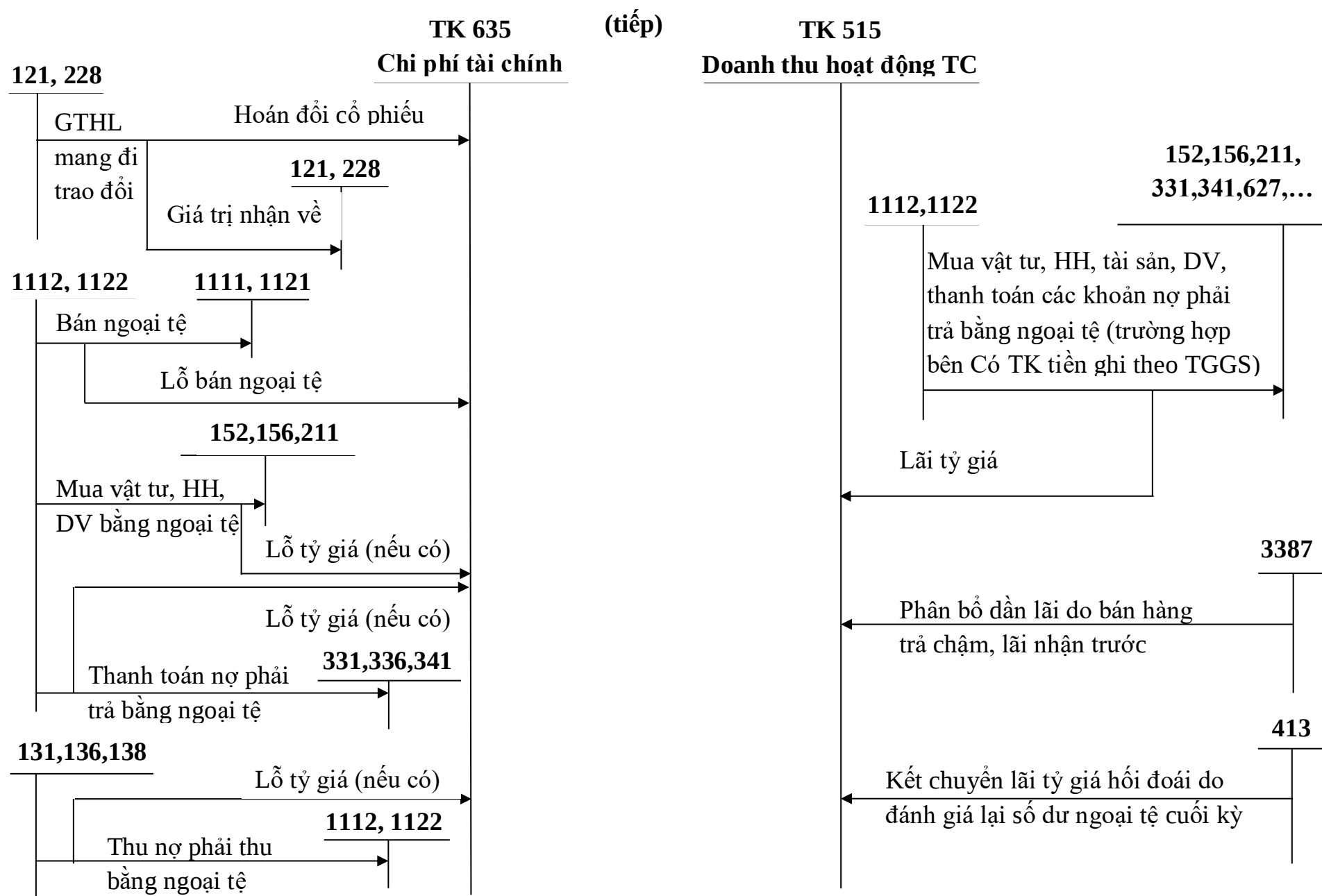
Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh..

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ***1.2.3.3. Phương pháp hạch toán***

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4 sau:

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy báo nợ, phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội và các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng**❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh doanh nghiệp như bán hàng, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên quản lý,...

Kết cấu tài khoản 642**Bên Nợ:**

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

Bên Có:

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

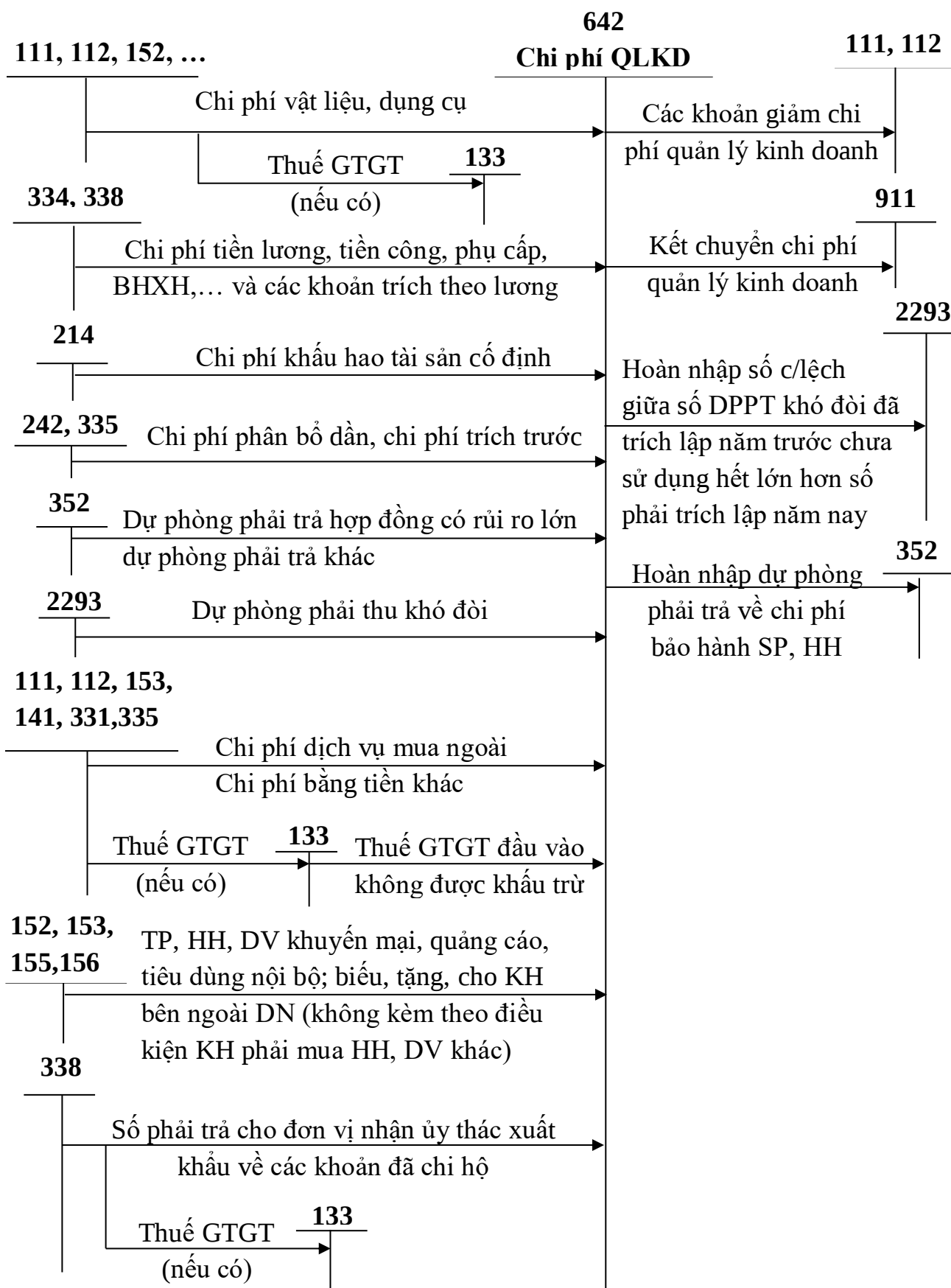
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.5 sau:

Sơ đồ 1.5 – Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**1.2.5.1. Chứng từ sử dụng**

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng**❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 711**Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 811 - Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 811

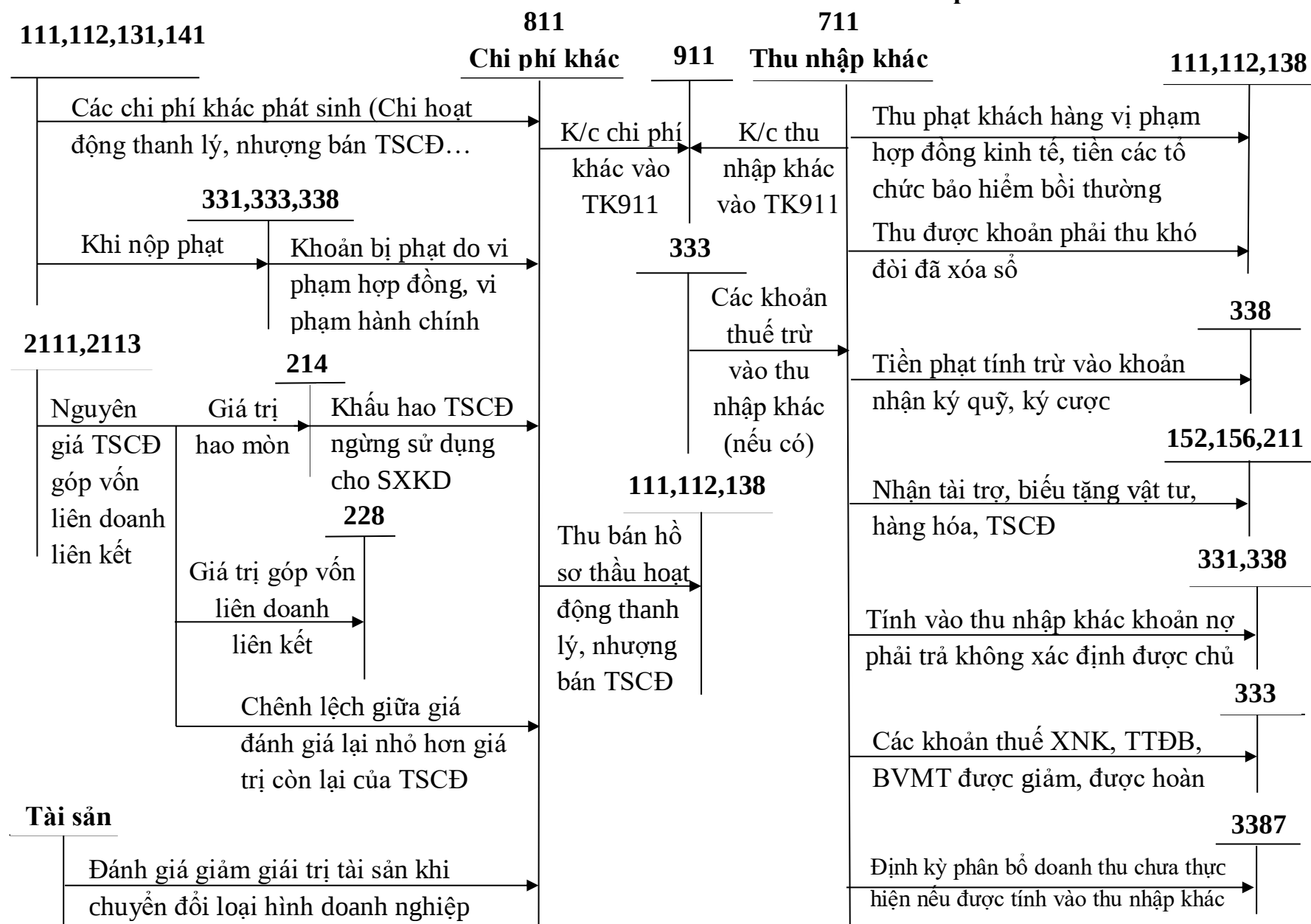
Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

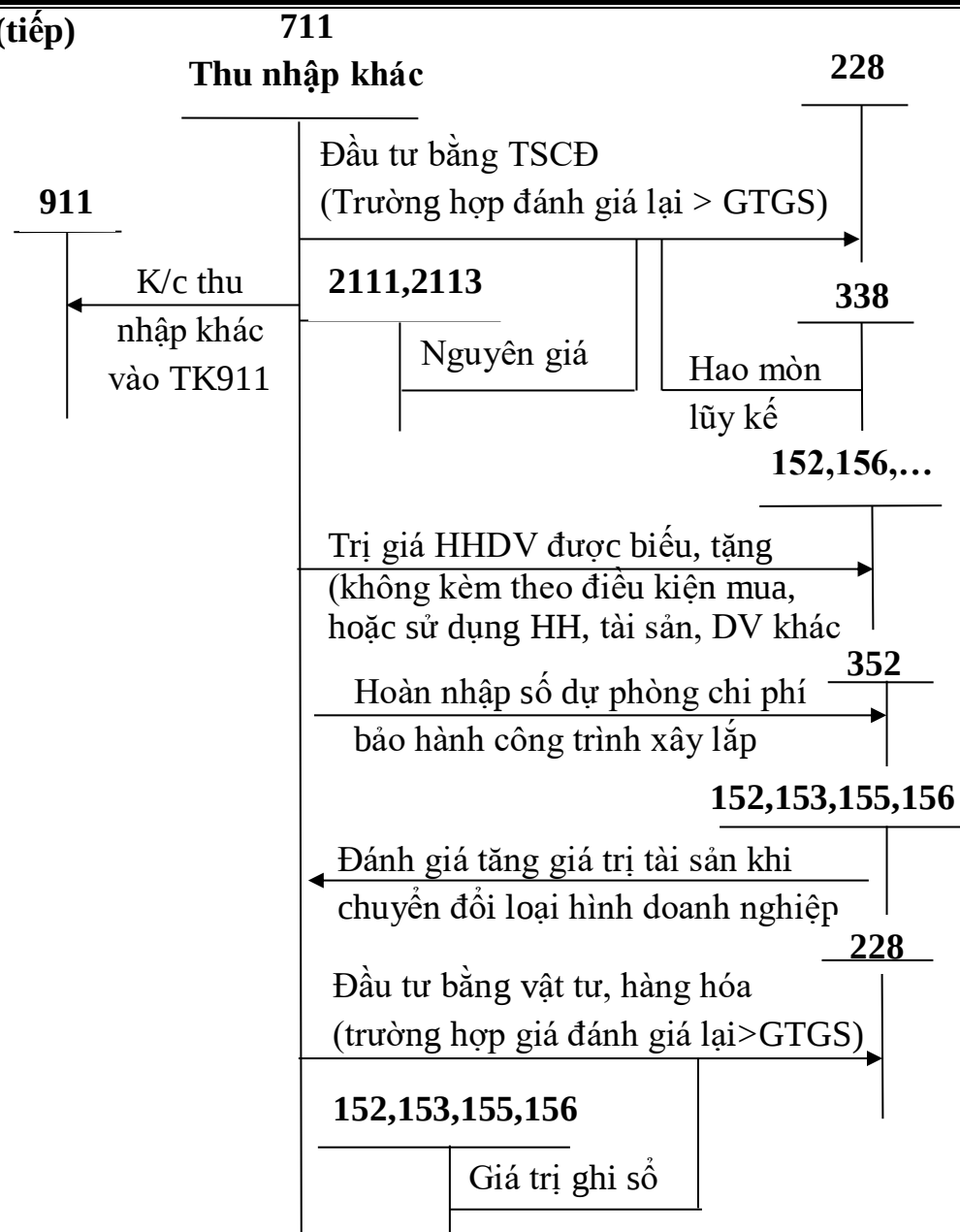
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau:

Sơ đồ 1.6 - Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

Sơ đồ 1.6 (tiếp)



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**1.2.6..1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng**Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

- Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 911**Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí quản lý kinh doanh;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

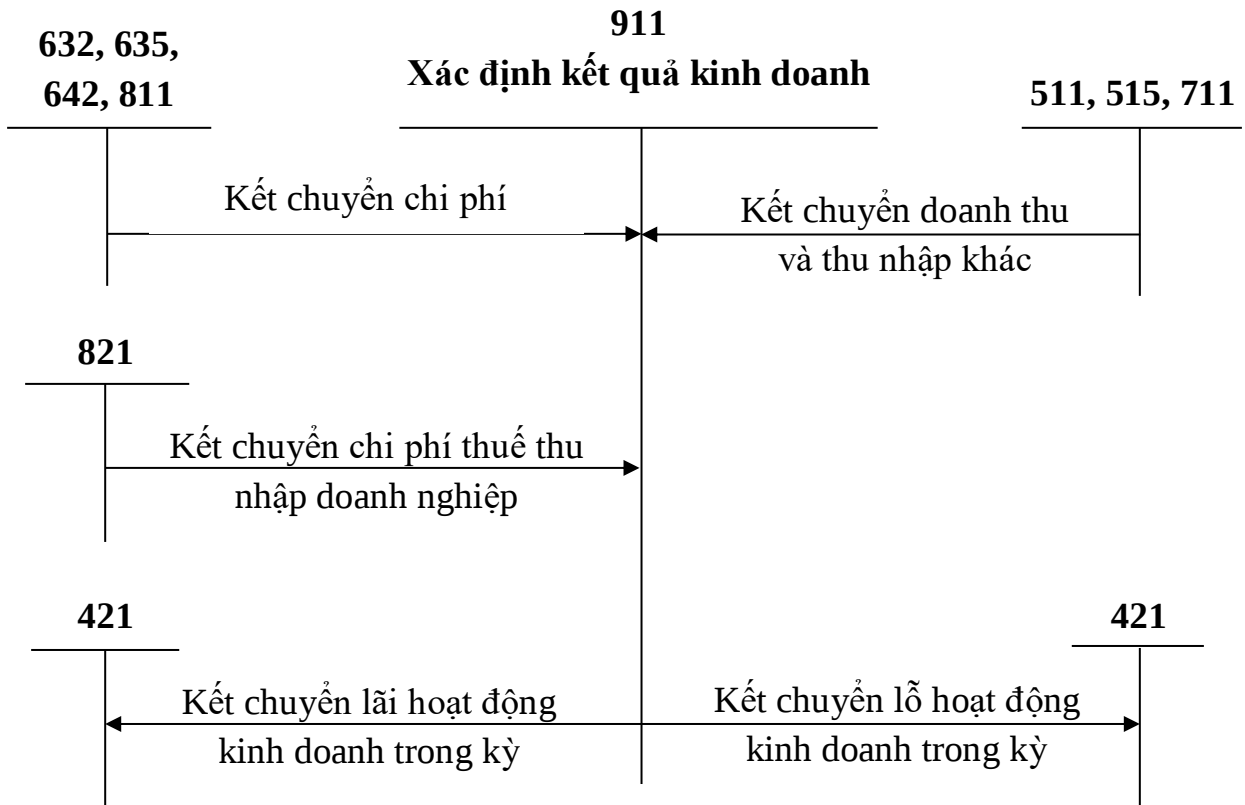
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 sau:

Sơ đồ 1.7 - Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Các hình thức ghi sổ kế toán theo Thông tư 133 (gồm 4 hình thức):

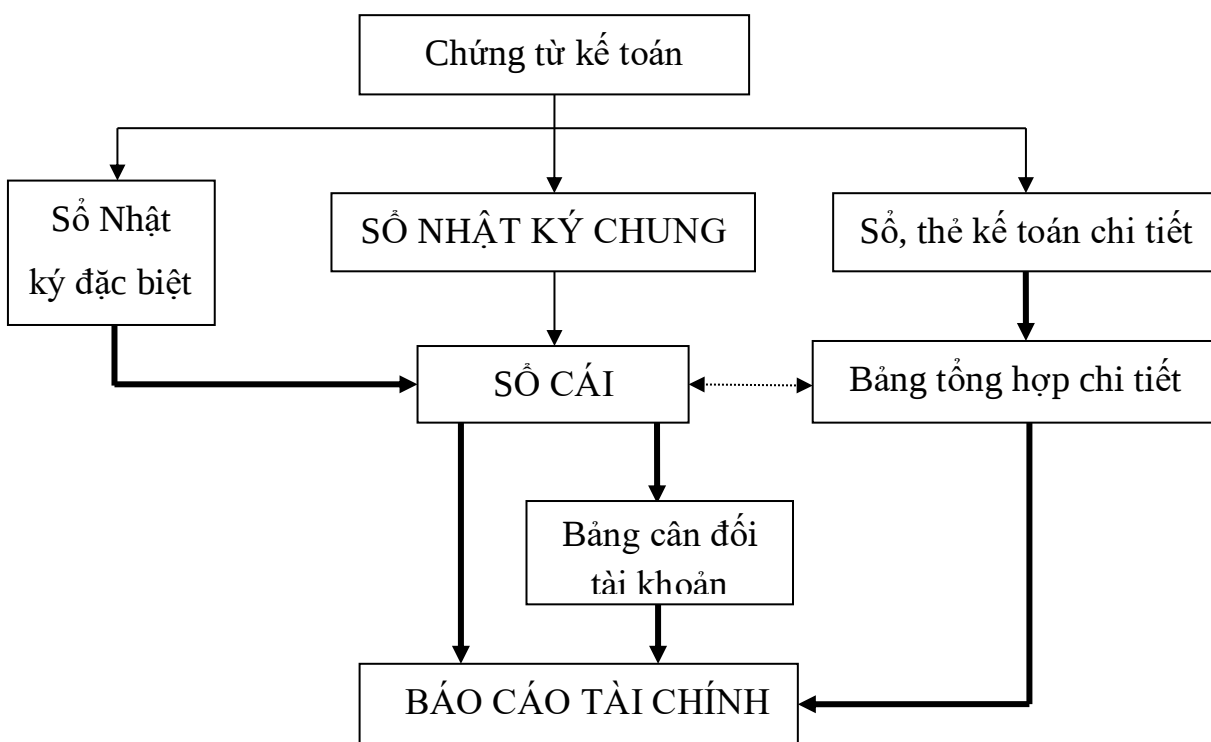
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ Đặc trưng cơ bản: Tất cả nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ Nhật ký, trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo thứ tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

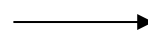
- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú:

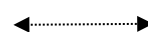
Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



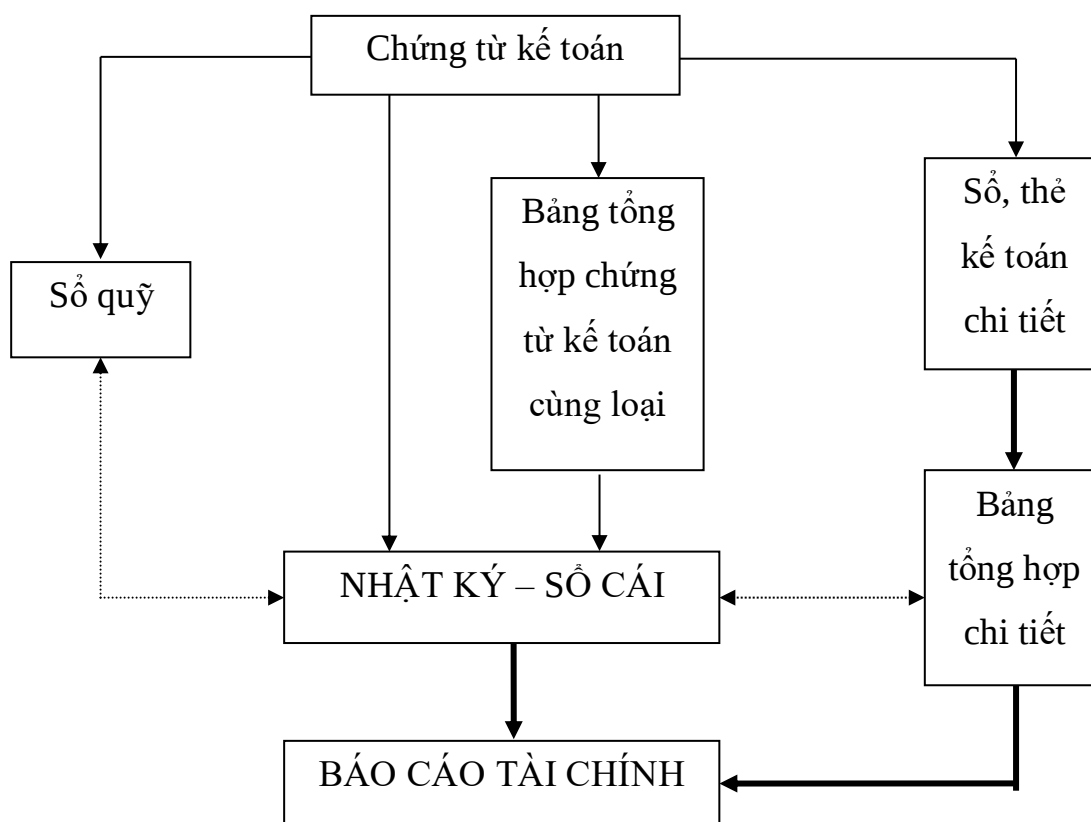
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

❖ Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

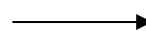
- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái



Ghi chú:

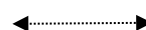
Ghi hàng ngày:



Ghi cuối tháng



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

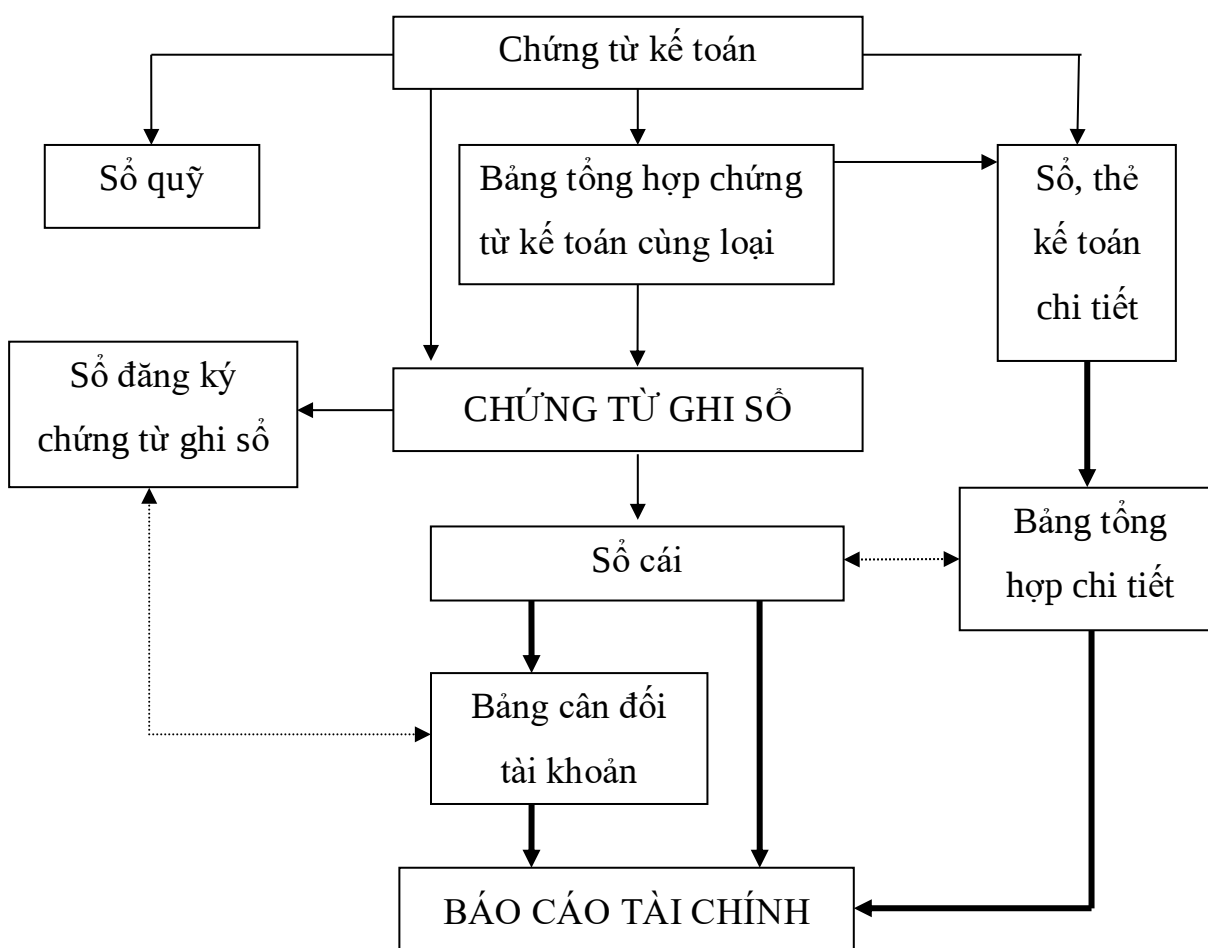
❖ Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú: Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$
 Ghi cuối tháng : $\longrightarrow$
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

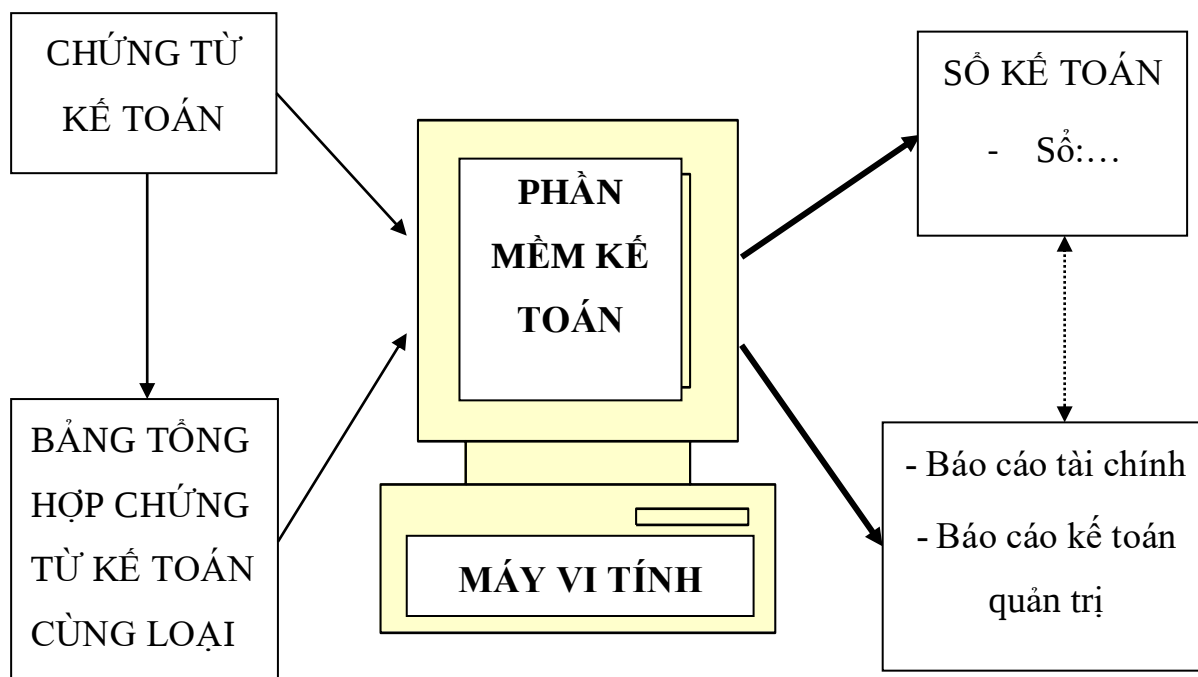
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

❖ Đặc trưng cơ bản: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

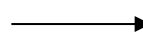
❖ Các loại sổ sách của hình thức kế toán máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



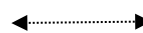
Ghi chú: Nhập số liệu hàng ngày:



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm:



Đối chiếu, kiểm tra:



CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIAO
NHẬN HÀNG HÓA F.D.I****2.1. Khái quát chung về Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển**

Công ty TNHH thương mại & dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I được thành lập và cấp phép hoạt động các ngành nghề kinh doanh từ năm 2003 với mục đích duy nhất là trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực giao nhận vận tải hàng hóa tại Việt Nam. Trụ sở chính của công ty đặt tại TP. Hồ Chí Minh, công ty hiện có 4 chi nhánh: Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Hải Phòng, Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Lạng Sơn.

Chi nhánh công ty TNHH thương mại & dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng là một trong số các chi nhánh của FDI trên toàn quốc.

- Tên công ty: Chi nhánh công ty TNHH thương mại & dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng
- Tên viết tắt: FDI Co.,LTD
- Địa chỉ: Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam
- Mã số thuế: 0302921906-002
- Ngành nghề chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Ngày cấp: 04/05/2010
- Ngày hoạt động: 03/05/2010
- Đại diện pháp luật: Trần Thị Phượng Liên

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Các lĩnh vực kinh doanh của công ty bao gồm :

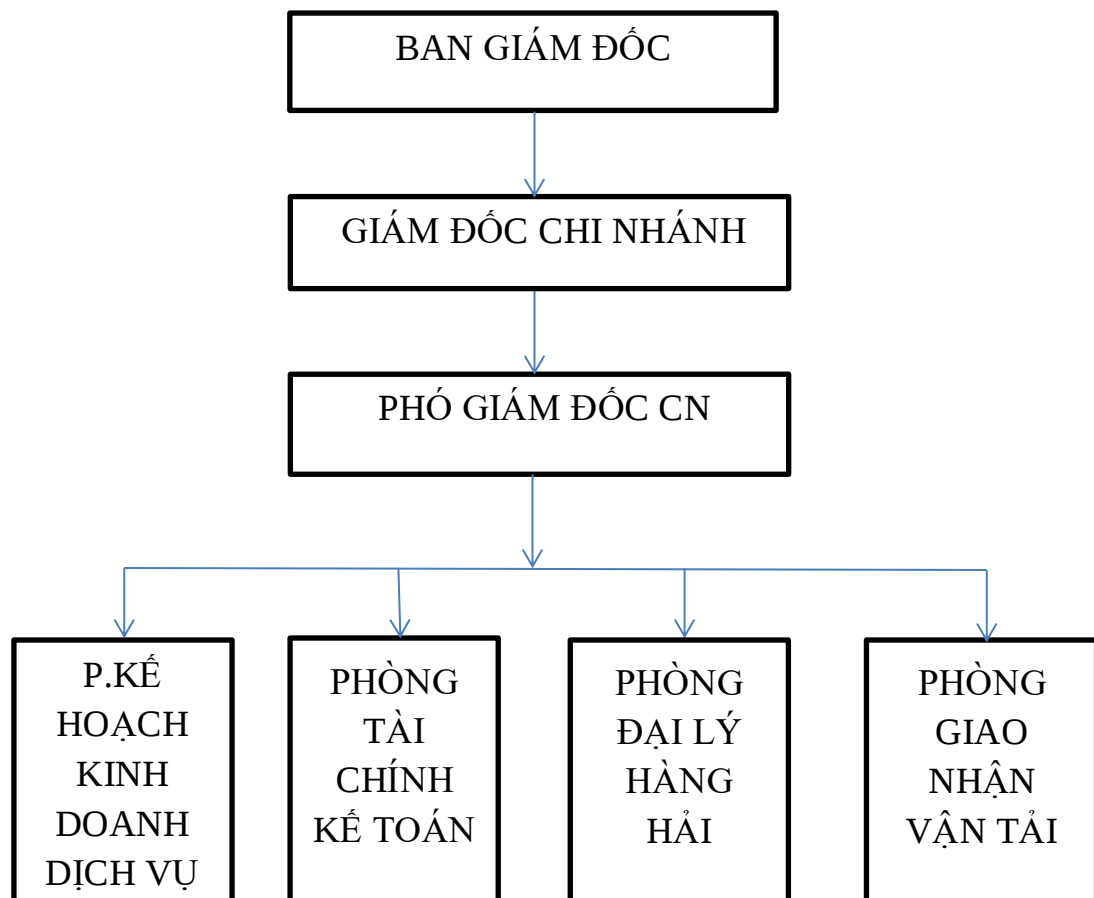
- Vận chuyển đường biển : Dịch vụ FCL / LCL , tàu rời, dịch vụ RO/RO đến và đi từ tất cả các nơi trên thế giới.
- Dịch vụ giao hàng tận nơi cho tất cả các loại hàng hóa.
- Dịch vụ đóng gói và vận chuyển hàng gia dụng, hàng cá nhân.
- Vận chuyển hàng đặc biệt: hàng dễ hư hỏng, hàng nguy hiểm, hàng giá trị.
- Giao nhận đúng thời gian cho hàng nội chợ, triển lãm và lưu kho thùng rỗng.
- Dịch vụ hậu cần theo yêu cầu của khách hàng.

- Dịch vụ giao nhận hàng hoá Đa phương thức.
- Dịch vụ khai quan và Logistics.
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá quốc tế bằng đường bộ, đường sắt giữa các quốc gia như Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Campuchia và Thái Lan.
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá triển lãm, hàng dự án, hàng quá cảnh.
- Đại diện thương mại.
- Cung cấp Các dịch vụ giao nhận hàng hoá trong nước như: vận chuyển hàng hoá đường bộ, đường sắt, kho vận...

2.1.3. Hệ thống tổ chức của Chi nhánh công ty TNHH thương mại & dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng.

Bộ máy quản lý của Chi nhánh công ty TNHH thương mại & dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng được tổ chức theo mô hình trực tuyến từ Ban giám đốc đến các phòng ban.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Chi nhánh công ty TNHH thương mại & dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng



Các phòng ban có mối liên hệ mật thiết với nhau và đều chịu sự quản lý của ban giám đốc. Tuy nhiên mỗi phòng ban có chức năng, nhiệm vụ riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ ***Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:***

➤ **Ban giám đốc:**

Điều hành hoạt động của tổng công ty cũng như hoạt động của tất cả các chi nhánh FDI trên cả nước.

➤ **Giám đốc chi nhánh:**

Được sự ủy thác của ban giám đốc điều hành chi nhánh FDI Hải Phòng.

➤ **Phó giám đốc chi nhánh:**

Quản lý mọi vấn đề trong quá trình sản xuất kinh doanh theo kế hoạch chiến lược mình đề ra. Cùng giám đốc theo dõi quá trình sản xuất kinh doanh và thay mặt giám đốc giải quyết công việc khi giám đốc vắng mặt.

➤ **Phòng kế toán:**

Phòng tài chính - kế toán có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin kế toán, tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo tài chính. Đồng thời còn tham mưu đắc lực cho giám đốc thông qua tình hình tài chính.

➤ **Phòng giao nhận vận tải**

Dưới sự chỉ đạo của trưởng phòng giao nhận: Phòng có nhiệm vụ đảm bảo cung cấp các dịch vụ và thực hiện các hợp đồng về giao nhận vận tải. Chịu trách nhiệm về việc bảo vệ tài sản và nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ của các tài sản đó. Sau đó tổng hợp và báo cáo cho giám đốc về tình hình kinh doanh trong lĩnh vực của mình.

➤ **Phòng đại lý hàng hải**

Dưới sự chỉ đạo của trưởng phòng đại lý: Phòng có nhiệm vụ đảm bảo cung cấp các dịch vụ và thực hiện các hợp đồng về đại lý. Sau đó tổng hợp và báo cáo cho giám đốc về tình hình kinh doanh trong lĩnh vực của mình.

➤ **Phòng kinh doanh**

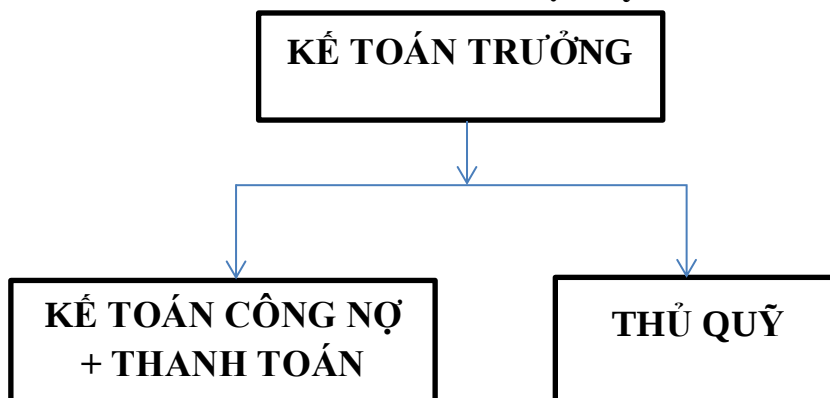
Tham mưu cho Giám Đốc trong các kế hoạch thống kê đúng quy định của nhà nước và phù hợp yêu cầu quản lý nhiệm vụ của cấp trên. Tham mưu cho Giám Đốc trong công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổ chức khai thác có hiệu quả các chức năng kinh doanh của công ty. Tổ chức tiếp thị, mở rộng thị trường, nguồn hàng, mở rộng sản xuất kinh doanh của đơn vị.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán và hình thức, chính sách kế toán đang áp dụng tại công ty.

2.1.4.1. Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty.

Chi nhánh công ty TNHH thương mại & dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng có một phòng kế toán gồm 3 người. Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, theo mô hình này mọi công việc kế toán đều được thực hiện tại đây. Còn lại các phòng ban khác chỉ lập các chứng từ phát sinh tại đơn vị rồi gửi về phòng kế toán. Bộ máy kế toán của công ty được bố trí theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



Kế toán công nợ, thanh toán: Theo dõi các khoản công nợ giữa công ty với khách hàng. Lập báo cáo nhanh về các khoản công nợ để báo cáo lên kế toán trưởng và giám đốc.

Kế toán trưởng: Hướng dẫn điều hành, kiểm tra toàn bộ công tác kế toán tài chính của công ty. Tập hợp chi phí theo dõi số liệu phát sinh ngày, tổ chức ghi chép, tổng hợp số liệu nhập xuất, các loại vốn, các quỹ của công ty để xác định lãi lỗ, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế. Có chức năng giúp giám đốc phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên.

Thủ quỹ: Đảm nhận công việc thu chi tiền mặt, lưu trữ hồ sơ, cập nhật chứng từ, báo cáo quỹ hàng ngày, đóng các chứng từ sổ sách có liên quan.

2.1.4.2. Chế độ kế toán

- Chế độ kế toán: Công ty áp dụng theo chế độ kế toán Việt Nam, theo hướng dẫn tại Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

- Chế độ chứng từ: Các chứng từ kế toán đều thuộc loại hướng dẫn (không bắt buộc), doanh nghiệp được tự thiết kế mẫu chứng từ kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng phải đảm bảo các nội dung chủ yếu và phải đảm bảo cung cấp những thông tin theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán.

- Tất cả các biểu mẫu sổ kế toán (kể cả các loại Sổ Cái, sổ Nhật ký) đều thuộc loại hướng dẫn (không bắt buộc). Doanh nghiệp phải tuân thủ quy định của Luật Kế toán

và các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán. Doanh nghiệp được tự thiết kế biểu mẫu sổ, thẻ kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý nhưng phải đảm bảo trình bày thông tin đầy đủ, rõ ràng, dễ kiểm tra, kiểm soát.

- Hệ thống tài khoản: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản trong bảng hệ thống tài khoản theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung. Việc áp dụng hình thức này đối với nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã đáp ứng được yêu cầu dễ dàng kiểm tra, đối chiếu, thuận lợi cho việc phân công công tác.
- Doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/N và kết thúc vào ngày 31/12/N.
- Đơn vị tính và sử dụng trong ghi chép kế toán là: Đồng Việt Nam, đơn vị tính là: đồng.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Hạch toán công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu theo phương pháp nhập trước xuất trước.

2.1.4.3. Hệ thống chứng từ sử dụng tại đơn vị.

- Hóa đơn: Hóa đơn GTGT đầu vào, đầu ra.
- Lao động, tiền lương: Bảng chấm công, bảng thanh toán lương công nhân viên, bảng kê trích nộp các khoản trích theo lương.
- Tài sản cố định: Biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản kiểm kê TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ.

2.1.4.4. Trình tự và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán.

❖ *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung*

➤ *Hàng ngày:*

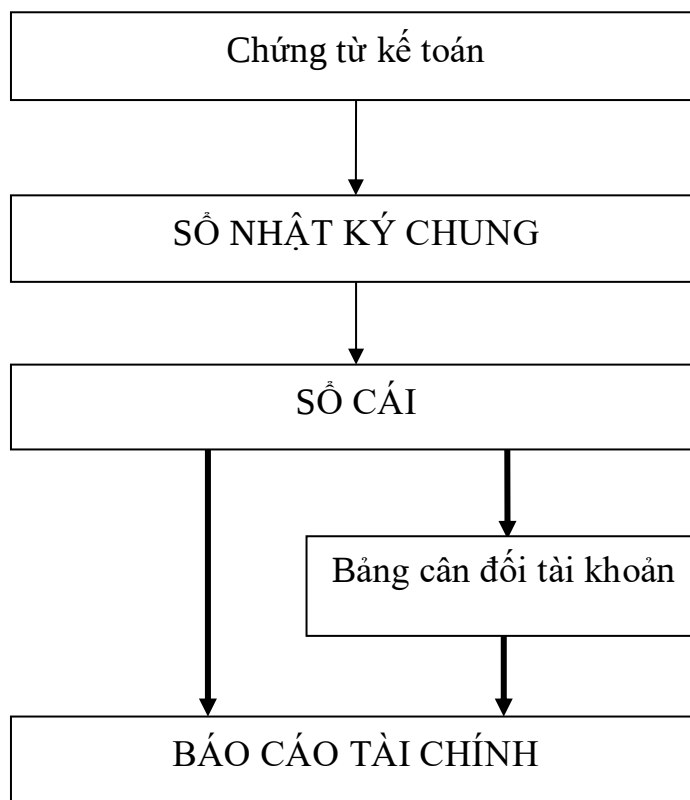
- Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

➤ **Cuối tháng, cuối quý, cuối năm:**

- Cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: —————→

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

❖ **Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:**

- Bảng Cân đối kế toán : Mẫu số B01a - DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh : Mẫu số B02 - DNN
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ : Mẫu số B03 - DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính : Mẫu số B09 - DNN
- Bảng Cân đối tài khoản : Mẫu số F01 - DNN

Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: bảng cân đối số phát sinh, báo cáo thuế,

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại & dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng.

2.2.1. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại công ty

2.2.1.1. Đặc điểm các loại dịch vụ tại công ty.

Các dịch vụ công ty cung cấp bao gồm:

- Dịch vụ vận tải;
- Dịch vụ giao nhận;
- Dịch vụ đại lý hàng hải.

❖ *Đặc điểm dịch vụ vận tải*

Công ty chuyên kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quốc tế, tức là công ty chuyên nhận chở cả hàng nội địa và trong nước với số lượng lớn. Đây chính là dịch vụ chủ lực, là thế mạnh đem lại doanh thu lớn cho công ty.

Khi hạch toán về vận tải hàng hóa bao gồm: Lương nhân viên lái xe, khấu hao xe, khấu hao xe, chi phí xăng dầu vận chuyển,... được công ty hạch toán vào tài khoản 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Đối với khoản chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường và phần chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được hạch toán vào tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

❖ *Đặc điểm dịch vụ giao nhận*

Đây là dịch vụ thường phát sinh song song với dịch vụ vận tải cho một lô hàng của khách hàng. Khi lô hàng của khách hàng về đến cảng, công ty sẽ làm dịch vụ trọn gói từ giao nhận đến vận tải. Tức là công ty sẽ thay mặt cho khách hàng làm các thủ tục với cảng và hãng tàu để lấy hàng ra khỏi cảng. Sau khi hoàn thành thủ tục lấy hàng ra khỏi cảng, công ty sẽ ghi nhận doanh thu dịch vụ giao nhận đối với khách hàng.

Các khoản chi phí liên quan đến giao nhận hàng bao gồm: cước nâng hạ, phí lưu container, phí vệ sinh container, phí sửa chữa container,...

Các khoản chi về giao nhận hàng hóa được hạch toán vào tài khoản 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

❖ *Đặc điểm dịch vụ đại lý hàng hải*

Đối với đại lý hàng hải, công việc chủ yếu của công ty là thay mặt cho hãng vận chuyển ở nước ngoài cấp các lệnh giao hàng (bill house) đi kèm với lệnh giao của hãng tàu (bill master). Đây là 2 lệnh giao hàng phải có để khách hàng xuất trình với cảng để làm thủ tục lấy hàng.

Công ty sẽ thu phí dịch vụ từ việc cấp lệnh cho khách hàng.

Các khoản chi phí liên quan đến dịch vụ đại lý hàng hải thường bao gồm: Phí DO (Phí chứng từ khi đến hãng tàu lấy lệnh), các phụ phí của hãng tàu,...

Khi đến hãng tàu lấy lệnh, công ty sẽ phải trả cho hãng tàu các khoản chi phí trên và thu lại chênh lệch từ khách hàng. Phần thu lại của khách hàng được ghi nhận là doanh thu của công ty.

Các khoản chi phí về đại lý hàng hải được hạch toán vào tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

2.2.1.2. Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty

Hiện nay công ty chủ yếu áp dụng 2 phương thức cung cấp dịch vụ là cung cấp theo giá bán buôn và cung cấp theo giá bán lẻ.

✓ Bán buôn: đối tượng của hình thức này chủ yếu là đối với các khách hàng có nhu cầu giao nhận vận tải. Với hình thức này, việc cung cấp dịch vụ được thông qua các hợp đồng kinh tế ký kết giữa khách hàng và công ty. Đây cũng là dịch vụ mang lại nguồn thu chủ yếu cho công ty. Lượng tiền trong mỗi hợp đồng này thường lớn nên khách hàng chủ yếu thanh toán bằng chuyển khoản. Sau khi vận chuyển hàng đến kho, bên khách hàng chấp nhận thanh toán hoặc thanh toán tiền ngay thì dịch vụ được xác minh là đã hoàn thành.

✓ Bán lẻ: Hình thức này thường được áp dụng cho dịch vụ đại lý hàng hải. Đây là dịch vụ chiếm tỷ trọng doanh thu thấp tại công ty. Khi khách hàng đến lấy lệnh giao hàng, họ sẽ phải thanh toán tiền phí dịch vụ luôn cho công ty.

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- TK 5113VT – doanh thu dịch vụ vận tải
- TK 5113GN – doanh thu dịch vụ giao nhận
- TK 5113HH – doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải
- TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp
- Các tài khoản liên quan khác.

2.2.1.4. Chứng từ, sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, hóa đơn giá trị gia tăng
- Chứng từ thanh toán: giấy báo có, phiếu thu,...
- Các chứng từ có liên quan khác

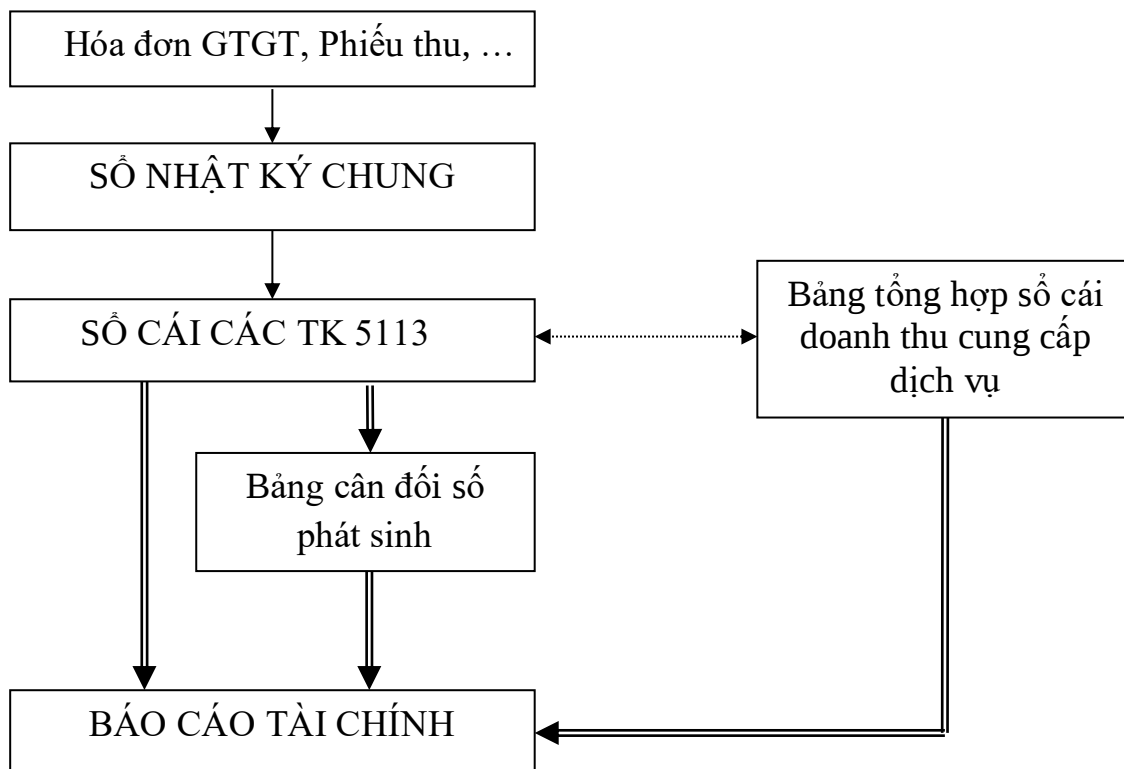
❖ Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái TK 5113VT, 5113GN, 5113HH
- Sổ cái TK 111, 112, 131,...
- Bảng tổng hợp sổ cái doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các sổ kế toán khác có liên quan.

2.2.1.5. Quy trình hạch toán

Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I được khái quát qua **sơ đồ 2.4**



Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ

Ghi chú:

- | | |
|-----------------------------|---|
| Ghi hàng ngày | → |
| Ghi cuối tháng hoặc định kỳ | → |
| Quan hệ đối chiếu, kiểm tra | ↔ |

Ví dụ doanh thu dịch vụ vận tải:

Ngày 6/12/2017, Công ty cổ phần thương mại và kỹ thuật quốc tế Thăng Long thuê vận chuyển 1 cont 20' và 2 cont 40' từ Cảng Hải Phòng về Sóc Sơn, Hà Nội. Cước vận chuyển 1 cont 20' là 4.200.000 đồng, 1 cont 40' là 4.400.000 đồng (chưa có VAT 10%). Công ty đã thu bằng chuyển khoản.

Kế toán thực hiện nghiệp vụ phát sinh như sau:

- Lập hóa đơn GTGT số 0000483 (**Biểu số 2.1**) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng.
- Công ty cổ phần thương mại và kỹ thuật quốc tế Thăng Long chuyển tiền qua ngân hàng, công ty nhận được giấy báo có ngày 6/12/2017 của ngân hàng Techcombank chi nhánh Hải Phòng (**Biểu số 2.2**), tổng thu 14.300.000 đồng.
- Kế toán định khoản:
Nợ TK 112: 14.300.000
Có TK 5113VT: 13.000.000
Có TK 33311: 1.300.000
- Từ hóa đơn GTGT số 0000483, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.7**) và từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK111, TK5113VT (**Biểu 2.8**), TK33311.
- Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu trên sổ cái TK 5113VT vào bảng tổng hợp doanh thu cung cấp dịch vụ (**Biểu số 2.11**).

 Ví dụ doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa:

Ngày 11/12/2017, công ty TNHH công nghiệp Forviet thuê làm dịch vụ cho 2 cont 40' cập Cảng Hải Phòng. Sau khi hàng ra khỏi cảng, công ty đã thu lại của Forviet tiền làm dịch vụ 30.862.522 đồng (chưa có VAT 10%), chưa thanh toán (bao gồm cước dịch vụ giao nhận; phí lưu cont; phí nâng hàng; hạ vỏ; phí lưu vỏ cont; phí vệ sinh cont; phí DO).

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán thực hiện như sau:

- Viết hóa đơn GTGT số 0000502 (**Biểu số 2.3**) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng.
- Căn cứ hóa đơn GTGT số 0000502, kế toán lập phiếu kế toán số 025/12 (**Biểu số 2.4**), tổng số tiền phải thu: 33.948.774 đồng.
- Kế toán định khoản:
Nợ TK131Forviet: 33.948.774
Có TK 5113GN: 30.862.522
Có TK 33311: 3.086.252
- Từ PKT025/12, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.7**) và từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK131Forviet, TK5113GN (**Biểu số 2.9**), TK33311.
- Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu trên sổ cái TK131Forviet vào bảng tổng hợp phải thu khách hàng; số liệu trên sổ cái TK5113GN vào bảng tổng hợp doanh thu cung cấp dịch vụ (**Biểu số 2.11**)

🚧 Ví dụ doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải:

Ngày 15/12/2017, công ty cổ phần MB Khải Minh đến công ty lấy lệnh giao hàng. Sau khi cấp lệnh, công ty đã thu của Khải Minh tiền dịch vụ đại lý hàng hải là 8.591.924 đồng (chưa có VAT 10%), đã thanh toán bằng tiền mặt (bao gồm Phí khai thác hàng lẻ CFS, phí lệnh giao hàng, phí phụ trội CIC, phí xếp dỡ tại cảng THC).

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán thực hiện như sau:

– Viết hóa đơn GTGT số 0000548 (**Biểu số 2.5**) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng.

– Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000548, kế toán lập phiếu thu số 035/12 (**Biểu số 2.6**), tổng thu 9.451.116 đồng.

– Kế toán định khoản:

Nợ TK 1111: 9.451.116

Có TK5113HH: 8.591.924

Có TK 33311: 859.192

– Từ PT 035/12, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.7**) và từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK111, TK5113HH (**Biểu 2.10**), TK33311.

– Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu trên sổ cái TK 5113HH vào bảng tổng hợp doanh thu cung cấp dịch vụ (**Biểu số 2.11**).

Biểu số 2.2: GBC ngày 6/12/2017. Ngân hàng Techcombank**NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM****Chi nhánh: Lê Hồng Phong - Hải Phòng****GIẤY BẢO CỐ**

Ngày 06 tháng 12 năm 2017

Mã GDV: NTPT

Số GD: 00425

Giờ: 16:15:20

Kính gửi : Chi nhánh công ty TNHH TM&DV giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng

Mã số thuế : 0302921906-002

Ngân hàng TMCP Kỹ thương xin trân trọng thông báo: tài khoản của quý khách hàng đã được ghi Có với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có : 32110000547199

Số tiền bằng số : 14.300.000

Số tiền bằng chữ : Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng .

Nội dung : Công ty cổ phần thương mại và kỹ thuật quốc tế Thăng Long thanh toán cước vận chuyển theo HĐ 0000483

GIAO DỊCH VIÊN**KIỂM SOÁT**

Biểu số 2.4: Phiếu kế toán (phải thu công ty Forviet)**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.**

Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Q.

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 025/12

Ngày 11 tháng 12 năm 2017

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	131	5113GN	30.862.522	Cước dịch vụ giao nhận, phí lưu cont, nâng hàng, hạ vở,... HĐ0000502	Công ty TNHH công nghiệp Forviet
2	131	33311	3.086.252	Cước dịch vụ giao nhận, phí lưu cont, nâng hàng, hạ vở,... HĐ0000502	Công ty TNHH công nghiệp Forviet
	Tổng cộng		33.948.774	x	x

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Ba mươi ba triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng .

Số chứng từ gốc kèm theo: HĐ0000502

Ngày 11 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3 : Nội bộ Ngày 15 tháng 12 năm 2017			Mẫu số 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/17P Số : 0000548		
Đơn vị bán hàng: CN Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I Mã số thuế: 0302921906-002 Địa chỉ: Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng Điện thoại: 842253727991 Số tài khoản: 0031001146892					
Họ tên người mua hàng: Vũ Hoàng Minh Tên đơn vị: Công ty cổ phần MB Khải Minh Mã số thuế: 0106941550 Hình thức thanh toán: TM					
			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Phí khai thác hàng lẻ (CFS)	CBM	14,11	341.175	4.813.979
2	Phí lệnh giao hàng	Lô	1	568.625	568.625
3	Phí phụ trội (CIC)	CBM	14,11	90.980	1.283.728
4	Phí xếp dỡ tại cảng (THC)	CBM	14,11	136.470	1.925.592
Cộng tiền hàng:					8.591.924
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		859.192
Tổng cộng tiền thanh toán:					9.451.116
Tổng số tiền (Bằng chữ): Chín triệu bốn trăm năm mươi một nghìn một trăm mười sáu đồng .					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.6: Phiếu thu tiền mặt (công ty cổ phần MB Khải Minh)**Chi nhánh công ty TNHH TM&DV****Mẫu số : 01 - TT****giao nhận hàng hóa F.D.I**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**PHIẾU THU**

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Số hiệu: PT035/12

Quyển số :.....

Nợ 1111: 9.451.116

C ó 5113HH: 8.591.924

33311: 859.192

Họ và tên người nộp tiền: Công ty cổ phần MB Khải Minh

Địa chỉ: Tầng 23 tòa nhà văn phòng Intracom, tổ 10, P.Phúc Diễn, Q.Bắc Từ Liêm,
TP.Hà Nội.

Lý do: Phí khai thác hàng lẻ, lệnh giao hàng, phí phụ trội, phí xếp dỡ tại cảng.

Số tiền: 9.759.750 VNĐ

(Viết bằng chữ) : Chín triệu bốn trăm năm mươi một nghìn một trăm mười sáu đồng
.

Kèm theo : HĐ 0000548

Chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Giám đốc**Kế toán trưởng****Người nộp tiền****Người lập phiếu****Thủ quỹ**

(Ký,họ tên,đóng dấu)

(Ký,họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Chín triệu bốn trăm năm mươi một nghìn một
trăm mười sáu đồng .

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

.....

+ Tỷ giá quy đổi:.....

.....

Biểu số 2.7: Sổ Nhật ký chung**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao****nhận hàng hóa F.D.I.**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam**Mẫu số : S03a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT –BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

ĐVT:VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
					...	...
HĐ 483	6/12	Doanh thu cước vận chuyển cho cty Thăng Long	112	5113VT 33311	14.300.000	13.000.000 1.300.000
HĐ 484	6/12	Doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải (thu phí handling)	1111	5113HH 33311	625.488	568.625 56.863
					...	...
HĐ 502	11/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho cty Foviet	131	5113GN 33311	33.948.774	30.862.522 3.086.252
					...	...
HĐ 548	15/12	Doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải (cty MB Khải Minh)	1111	5113HH 33311	9.451.116	8.591.924 859.192
					...	...
		Cộng phát sinh			78.025.853.355	78.025.853.355

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Sổ cái doanh thu dịch vụ vận tải**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV****giao nhận hàng hóa F.D.I.**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam**Mẫu số : S03b-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI TK 5113VT**

Tên tài khoản: Doanh thu dịch vụ vận tải

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
					
HD 483	6/12	Doanh thu cước vận chuyển cho cty Thăng Long	112		13.000.000
					
PKT 34	31/12	Kết chuyển doanh thu cước vận chuyển	911	11.865.297.225	
		Cộng số phát sinh		11.865.297.225	11.865.297.225
		Số dư cuối năm			

Biểu số 2.9: Sổ cái doanh thu dịch vụ giao nhận**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV****giao nhận hàng hóa F.D.I.**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam**Mẫu số : S03b-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI TK 5113GN**

Tên tài khoản: Doanh thu dịch vụ giao nhận

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
					
HD 502	11/12	Doanh thu dịch vụ giao nhận cho cty Foviet	131		30.862.522
					
PKT 35	31/12	Kết chuyển doanh thu dịch vụ giao nhận	911	1.538.415.634	
		Cộng số phát sinh		1.538.415.634	1.538.415.634
		Số dư cuối năm			

Biểu số 2.10: Sổ cái doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải

**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV
giao nhận hàng hóa F.D.I.**
Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số : S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TK5113HH

Tên tài khoản: Doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
					
HD 548	15/12	Doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải (cty MB Khải Minh)	111		8.591.924
					
PKT 36	31/12	Kết chuyển doanh thu dịch vụ giao nhận	911	866.219.710	
		Cộng số phát sinh		866.219.710	866.219.710
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Bảng tổng hợp sổ cái doanh thu cung cấp dịch vụ

Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.

Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong,

P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BẢNG TỔNG HỢP SỔ CÁI DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

Năm 2017

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số tiền
5113VT	Doanh thu dịch vụ vận tải	11.865.297.225
5113GN	Doanh thu dịch vụ giao nhận	1.538.415.634
5113HH	Doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải	866.219.710
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.269.932.569

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn dịch vụ công ty

Kế toán giá vốn dịch vụ tại công ty bao gồm:

- Giá vốn dịch vụ vận tải;
- Giá vốn dịch vụ giao nhận;
- Giá vốn dịch vụ đại lý hàng hải.

2.2.2.1. Tài khoản sử dụng

- 632VT – Giá vốn dịch vụ vận tải;
- 632GN – Giá vốn dịch vụ giao nhận;
- 632HH – Giá vốn dịch vụ đại lý hàng hải.

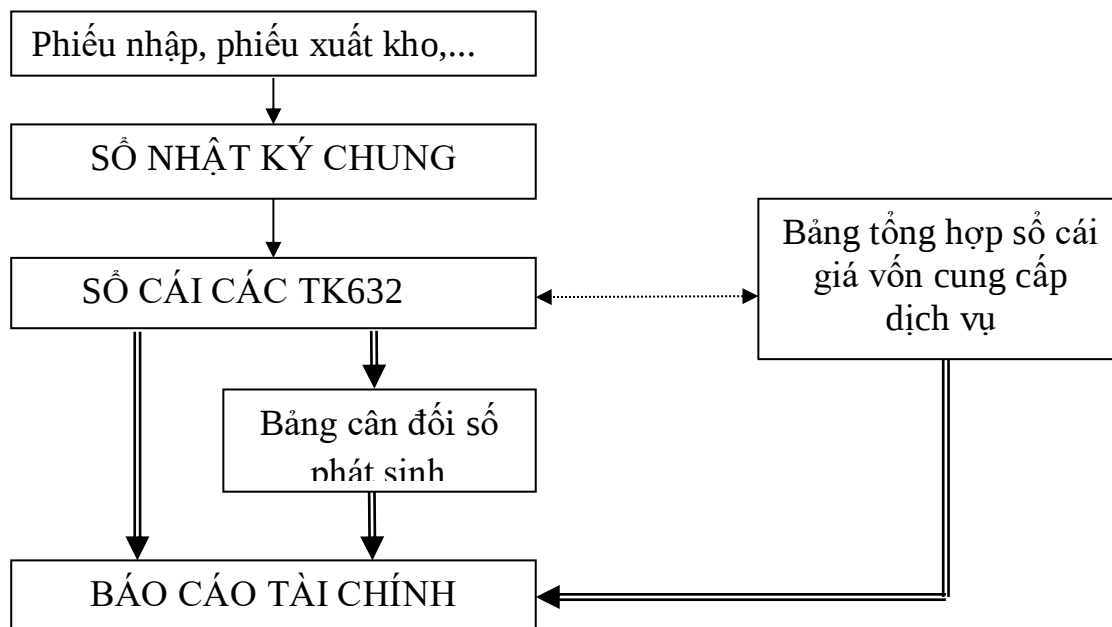
2.2.2.2. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng

- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng:
 - Hóa đơn GTGT đầu vào
 - Phiếu chi, ủy nhiệm chi
 - Phiếu kế toán
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- ❖ Sổ sách kế toán sử dụng:
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái tài khoản 154, 111, 112, 331,...
 - Sổ cái tài khoản 632VT, 632GN, 632HH
 - Bảng tổng hợp tài khoản 632
 - Các sổ sách kế toán liên quan.

2.2.2.3. Quy trình kế toán giá vốn cung cấp dịch vụ tại công ty

Quy trình kế toán giá vốn cung cấp dịch vụ của công ty được khái quát qua sơ đồ

2.5



Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn cung cấp dịch vụ

Ghi chú:

- | | |
|-----------------------------|--------|
| Ghi hàng ngày | —————→ |
| Ghi cuối tháng hoặc định kỳ | —————→ |
| Quan hệ đối chiếu, kiểm tra | —————↔ |

2.2.2.4. Nội dung giá vốn dịch vụ

❖ Giá vốn dịch vụ vận tải

Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ vận tải như chi phí xăng dầu, chi phí sửa chữa xe, cước vận chuyển thuê ngoài, tiền lương lái xe, khấu hao xe,... được ghi nhận vào tài khoản 154

Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I áp dụng phương pháp hạch toán chi phí vận tải cho cả năm không tách riêng cho từng hoạt động.

Giá thành vận tải là toàn bộ chi phí vận tải của doanh nghiệp bỏ ra để hoàn thành khối lượng dịch vụ vận tải trong kỳ.

Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn.

Trên cơ sở số liệu về chi phí vận tải đã tập hợp được trong kỳ để tính giá thành theo công thức: **Giá thành vận tải = Chi phí vận tải phát sinh trong kỳ**

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí phát sinh được tập hợp từ TK154 sang TK632

Ví dụ giá vốn dịch vụ vận tải:

Đối với xăng dầu, khi lái xe đến đổ dầu đại lý xăng dầu sẽ viết phiếu lĩnh xăng dầu gửi cho công ty. Công ty sẽ tập hợp các phiếu lĩnh xăng dầu do đại lý gửi lại, đến cuối tháng mới lấy hóa đơn, sau đó mới ghi nhận giá vốn của dầu.

– Ngày 31/12/2017, Căn cứ vào các phiếu lĩnh xăng dầu tập hợp, công ty lấy hóa đơn cho 32.147 lít dầu diesel 0,05S xe công ty đã đổ tại Cửa hàng xăng dầu Lạc Viên của Công ty xăng dầu khu vực III. Đơn giá dầu là 14.500 đồng/lít

Kế toán hạch toán như sau:

- Tập hợp phiếu lĩnh xăng dầu (**Biểu số 2.12**) vào bảng kê phiếu lĩnh xăng dầu (**Biểu số 2.13**)
- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0162335 (**Biểu số 2.14**), lập phiếu kế toán 037/12 (**Biểu số 2.15**).
- Kế toán định khoản:
Nợ TK154VT: 466.131.500
Nợ TK 1331: 46.613.150
Có TK 331: 512.744.650
- Từ PKT058/12, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.21**)
- Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK154VT, TK133, TK331, TK632VT .
- Cuối kỳ, kế toán lập phiếu (**Biểu số 2.20**) kết chuyển số liệu từ sổ cái TK154VT sang sổ cái TK632VT (**Biểu số 2.22**) sau đó tổng hợp số liệu trên sổ cái TK632VT vào bảng tổng hợp giá vốn cung cấp dịch vụ (**Biểu số 2.25**)

❖ Giá vốn dịch vụ giao nhận

Khi làm dịch vụ giao nhận, nhân viên giao nhận sẽ phải đến đại lý lấy lệnh và thanh toán các khoản cước phí với đại lý, nhân viên đó sẽ phải xuống cảng để làm thủ tục giải phóng hàng ra khỏi cảng và thanh toán các chi phí phát sinh như: phí nâng hạ, phí lưu container, phí vệ sinh container, ...

Các chi phí trên cũng được tập hợp vào tài khoản 154, cuối kỳ kế toán kết chuyển sang tài khoản 632.

📌 Ví dụ giá vốn dịch vụ giao nhận:

- Ngày 14/12/2017, thanh toán tiền hạ rỗng container cho công ty cổ phần MB Khải Minh, số tiền 909.090 đồng (chưa VAT 10%). Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

- Kế toán hạch toán như sau:

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0125546 (**Biểu số 2.16**), lập phiếu chi 046/12 (**Biểu số 2.17**).
- Kế toán định khoản:
Nợ TK154GN: 909.090
Nợ TK 1331: 90.910
Có TK 1111: 1.000.000
- Từ PC046/12, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.21**)
- Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK154, TK133, TK111, TK632GN.
- Cuối kỳ, kế toán lập phiếu (**Biểu số 2.20**) kết chuyển số liệu từ sổ cái TK154GN sang sổ cái TK632GN (**Biểu số 2.23**) sau đó tổng hợp số liệu trên sổ cái TK632GN vào bảng tổng hợp giá vốn cung cấp dịch vụ (**Biểu số 2.25**)

❖ Giá vốn dịch vụ đại lý hàng hải

Ở vị trí là đại lý hàng hải, công ty sẽ thanh toán các phụ phí tàu biển cho hãng tàu sau đó kẹp cùng lệnh của mình để cấp cho người gửi hàng hoặc người ủy quyền của người chủ hàng.

Các khoản chi phí về đại lý hàng hải được hạch toán vào tài khoản 154, cuối kỳ kế toán kết chuyển sang tài khoản 632.

📌 Ví dụ giá vốn dịch vụ đại lý hàng hải:

- Ngày 23/12/2017, trả tiền phí khai thác hàng lẻ (CFS); phí xếp dỡ tại cảng (THC); phí chứng từ (DO); phí mất cân bằng cont cho HEUNG – A SHIPPING để cấp lệnh cho công ty TNHH YA-AJM Việt Nam. Số tiền 9.919.140 đồng.

- Kế toán hạch toán như sau:

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0025127 (**Biểu số 2.18**), lập phiếu chi 083/12 (**Biểu số 2.19**).
- Kế toán định khoản:

Nợ TK154HH: 9.017.400

Nợ TK 1331: 901.740

Có TK 1111: 9.919.140

- Từ PC083/12, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.21**)
- Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK154, TK133, TK111, TK632HH.
- Cuối kỳ, kế toán lập phiếu (**Biểu số 2.20**) kết chuyển số liệu từ sổ cái TK154HH sang sổ cái TK632HH (**Biểu số 2.24**) sau đó tổng hợp số liệu trên sổ cái TK632HH vào bảng tổng hợp giá vốn cung cấp dịch vụ (**Biểu số 2.25**)

Biểu số 2.12: Phiếu lĩnh xăng dầu

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Đ/c: Số 1 Sở Dầu, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

PHIẾU MUA XĂNG DẦU

Cửa hàng xăng dầu Lạc Viên

Số: 152

Tên lái xe: Lê Vinh Tiến

Biển kiểm soát: 15C – 074.94

Dầu : DO 0,05S 390 (lít) 6.220.500 đồng

Viết bằng chữ: Sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng.

Xăng:

Viết bằng chữ:

Ngày 09 tháng 12 năm 2017

Người nhận

(ký, họ tên)

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp phiếu lĩnh xăng dầu**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.**

Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong,

P. Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BẢNG TỔNG HỢP PHIẾU LĨNH XĂNG DẦU

Từ ngày 01/12 đến ngày 31/12/2017

STT	Ngày tháng	Số phiếu	Số lít	Số tiền
...			...	
5	09/12/2017	152	390	6.220.500
...			...	
16	12/12/2017	201	350	5.582.500
17	13/12/2017	208	400	6.380.000
...			...	
	Tổng		32.147	512.744.650

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Phiếu kế toán**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.**

Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
 Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Q.

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 037/12

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	1541	331	466.131.500	Dầu diesel HD0162335	Cửa hàng xăng dầu Lạc Viên
2	1331	331	46.613.150	Dầu diesel HD0162335	Cửa hàng xăng dầu Lạc Viên
	Tổng cộng		512.744.650	x	x

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Năm trăm mười hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.16: Hóa đơn giá vốn dịch vụ giao nhận

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 : Giao khách hàng Ngày 14 tháng 12 năm 2017				Mẫu số 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/17P Số : 0125546	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV trung tâm Logistics xanh Mã số thuế: 0201263312 Địa chỉ: Lô đất CN3, 2G,KCN Đình Vũ, Q.Hải An, TP. Hải Phòng. Điện thoại: Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CN Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I Mã số thuế: 0302921906-002 Địa chỉ: Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM					
Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Hạ rỗng container	40'	2	454.545	909.090
Cộng tiền hàng:					909.090
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		90.010
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.000.000
Tổng số tiền (Bằng chữ): Một triệu đồng .					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.17: Phiếu chi tiền mặt (công ty Logistics xanh)**Chi nhánh công ty TNHH TM&DV****Mẫu số : 02 - TT****giao nhận hàng hóa F.D.I**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**PHIẾU CHI**

Ngày 14 tháng 12 năm 2017

Số hiệu: PC046/12

Quyển số :.....

Nợ 1541: 909.090

Nợ 1331: 90.910

Có 1111: 1.000.000

Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH MTV trung tâm Logistics xanh

Địa chỉ: Lô đất CN3, 2G,KCN Đình Vũ, Q.Hải An, TP. Hải Phòng.

Lý do: Hạ rỗng container.

Số tiền: 1.000.000 VNĐ

(Viết bằng chữ) : Một triệu đồng .

Kèm theo : HĐ 0125546 Chứng từ gốc

Ngày 14 tháng 12 năm 2017

Giám đốc**Kế toán trưởng****Người nhận tiền****Người lập phiếu****Thủ quỹ**

(Ký,họ tên,đóng dấu)

(Ký,họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu đồng .

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

.....

+ Tỷ giá quy đổi:.....

.....

Biểu số 2.19: Phiếu chi tiền mặt (công ty HEUNG - A SHIPPING)**Chi nhánh công ty TNHH TM&DV****Mẫu số : 02 – TT****giao nhận hàng hóa F.D.I**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**PHIẾU CHI**

Ngày 23 tháng 12 năm 2017

Số hiệu: PC083/12

Quyển số :.....

Nợ 1541: 9.017.400

Nợ 1331: 901.740

Có 1111: 9.919.140

Họ và tên người nhận tiền: Chi nhánh Công ty TNHH HEUNG - A SHIPPING Việt Nam tại Hải Phòng

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Harbour View, số 12 đường Trần Phú, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

Lý do: Phí khai thác hàng lẻ, phí xếp dỡ tại cảng,....

Số tiền: 9.919.140 VNĐ

(Viết bằng chữ) : Chín triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bốn mươi đồng

Kèm theo : HĐ 0025127 Chứng từ gốc

Ngày 23 tháng 12 năm 2017

Giám đốc**Kế toán trưởng****Người nhận tiền****Người lập phiếu****Thủ quỹ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Chín triệu chín trăm mười chín nghìn một trăm bốn mươi đồng .

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

.....

+ Tỷ giá quy đổi:.....

.....

Biểu số 2.20: Kết chuyển chi phí dịch vụ sang giá vốn**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.**

Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Q.

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 038/12

Ngày 31/12/2017

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	632VT	154VT	8.975.810.680	Kết chuyển chi phí dịch vụ vận tải	
2	632GN	154GN	988.624.387	Kết chuyển chi phí dịch vụ giao nhận	
3	632HH	154HH	483.390.326	Kết chuyển chi phí dịch vụ đại lý hàng hải	
	Tổng cộng		10.447.825.393	x	x

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21: Sổ Nhật ký chung

**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao
nhận hàng hóa F.D.I.**

Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số : S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT –BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

ĐVT:VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
					...	...
HD 483	6/12	Doanh thu cước vận chuyển cho cty Thăng Long	112	5113VT 33311	14.300.000	13.000.000 1.300.000
HD 484	6/12	Doanh thu dịch vụ đại lý hàng hải (thu phí handling)	1111	5113HH 33311	625.488	568.625 56.863
					...	...
PKT 038	31/12	Kết chuyển chi phí vận tải	632VT	154VT	8.975.810.680	8.975.810.680
PKT 038	31/12	Kết chuyển chi phí giao nhận	632GN	154GN	988.624.387	988.624.387
PKT 038	31/12	Kết chuyển chi phí ĐLHH	632HH	154HH	483.390.326	483.390.326
					...	...
		Cộng phát sinh			78.025.853.355	78.025.853.355

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22: Sổ cái giá vốn dịch vụ vận tải**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV****giao nhận hàng hóa F.D.I.**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam**Mẫu số : S03b-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI TK 632VT**

Tên tài khoản: Giá vốn dịch vụ vận tải

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
PKT 038	31/12	Kết chuyển chi phí vận tải	154VT	8.975.810.680	
PKT 039	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ vận tải năm 2017	911		8.975.810.680
		Cộng số phát sinh		8.975.810.680	8.975.810.680
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23: Sổ cái giá vốn dịch vụ giao nhận**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV****giao nhận hàng hóa F.D.I.**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam**Mẫu số : S03b-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI TK 632GN**

Tên tài khoản: Giá vốn dịch vụ giao nhận

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
PKT 038	31/12	Kết chuyển chi phí giao nhận	154GN	988.624.387	
PKT 039	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ giao nhận năm 2017	911		988.624.387
		Cộng số phát sinh		988.624.387	988.624.387
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Sổ cái giá vốn dịch vụ đại lý hàng hải

**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV
giao nhận hàng hóa F.D.I.**
Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số : S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TK 632HH

Tên tài khoản: Giá vốn dịch vụ đại lý hàng hải

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
PKT 038	31/12	Kết chuyển chi phí đại lý hàng hải	154HH	483.390.326	
PKT 039	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ đại lý hàng hải năm 2017	911		483.390.326
		Cộng số phát sinh		483.390.326	483.390.326
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25: Bảng tổng hợp sổ cái giá vốn cung cấp dịch vụ

Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.

Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BẢNG TỔNG HỢP SỔ CÁI GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

Năm 2017

ĐVT: VND

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số tiền
632VT	Giá vốn dịch vụ vận tải	8.975.810.680
632GN	Giá vốn dịch vụ giao nhận	988.624.387
632HH	Giá vốn dịch vụ đại lý hàng hải	483.390.326
632	Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.447.825.393

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty**2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh**

Chi phí quản lý kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I bao gồm:

- Chi phí về lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý doanh nghiệp
- Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng, quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, dịch vụ mua ngoài và các khoản chi phí khác,...

2.2.3.2 .Chứng từ, sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo nợ
- Bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ sách sử dụng :

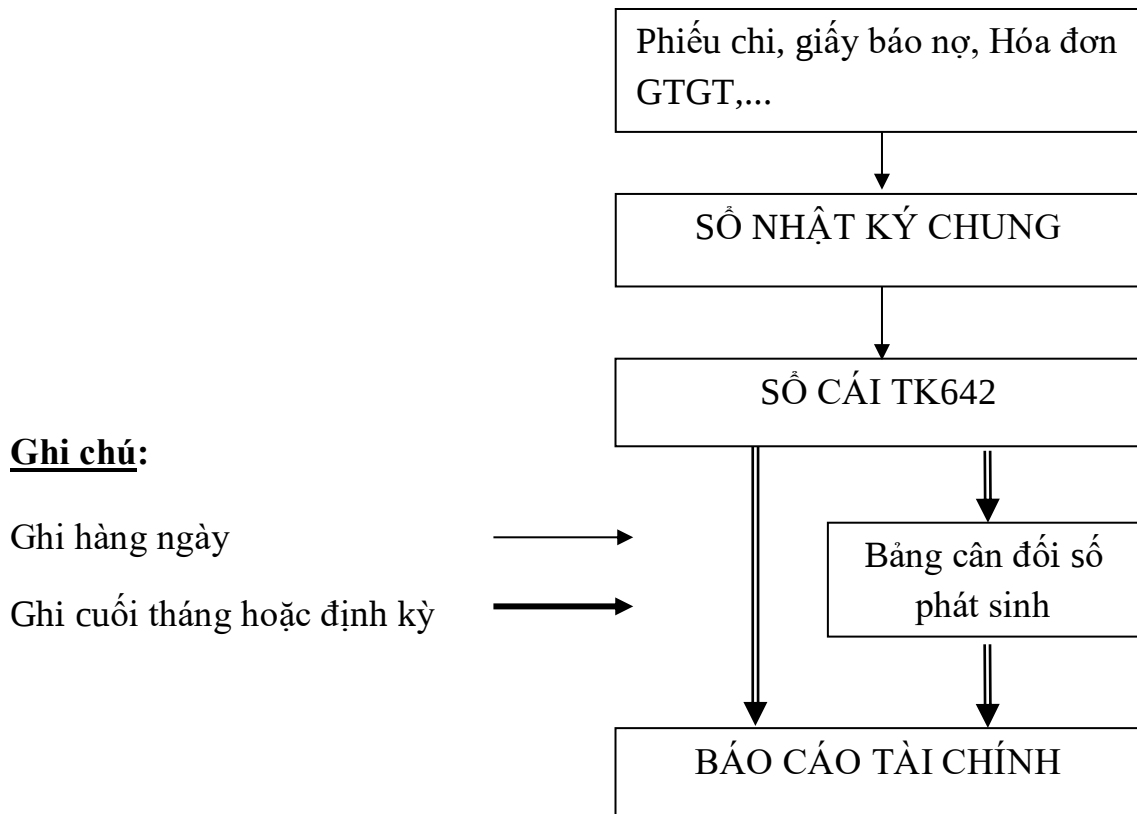
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK642
- Sổ cái TK111,112,331,...
- Các sổ kế toán khác có liên quan.

2.2.3.3.Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh
- Các tài khoản khác có liên quan: 111,112,133,331,...

2.2.3.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I được khái quát qua sơ đồ 2.6 như sau:



Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh

✚ Ví dụ: Ngày 2/12/2017 công ty chi tiền mặt thanh toán hóa đơn cước dịch vụ thông tin di động của số máy tại bộ phận quản lý doanh nghiệp. Số tiền 239.954 đồng (đã có VAT 10%).

- Kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK6422: 218.140

Nợ TK1331 : 21.814

Có TK 1111: 239.954

- Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông số 0561673 (**Biểu số 2.26**) và các chứng từ có liên quan kế toán lập phiếu chi 008/12 (**Biểu số 2.27**) .
- Căn cứ vào PC008/12 , kế toán vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.28**) và sổ cái tài khoản 642 (**Biểu số 2.29**).

Biểu số 2.26: Hóa đơn dịch vụ viễn thông**HÓA ĐƠN (GTGT)**

Liên 2: Giao khách hàng

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONEMẫu số: **01GTKT2/005****CÔNG TY DỊCH VỤ MOBIFONE KHU VỰC 5**Sêri: **GB/17P**

Đ/c: Số 08 lô 28A đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam.

Số: **0561673**

Tel: 18001090 – Fax: 0313 559686

MST: 0100686209 – 084

Tên khách hàng: CN Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng

MST: 0302921906-002

Địa chỉ: Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Số thuê bao: 904057157

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền
	Cước DV di động T11/2017				218.140
Cộng tiền (1)					218.140
Thuế suất thuế GTGT: 10% x (1) = Tiền thuế GTGT (2)					21.814
Tổng cộng tiền thanh toán (3) = (1) + (2)					239.954
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm ba mươi chín nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng.					

Ngày 02 tháng 12 năm 2017

Người nộp tiền**Nhân viên giao dịch**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.27: Phiếu chi tiền mặt (mobifone)**Chi nhánh công ty TNHH TM&DV****Mẫu số : 02 – TT****giao nhận hàng hóa F.D.I**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**PHIẾU CHI**

Ngày 02 tháng 12 năm 2017

Số hiệu: PC008/12

Quyển số :.....

Nợ 6422: 218.140

Nợ 1331: 21.814

Có 1111: 239.954

Họ và tên người nhận tiền: Đặng Phi Yến

Địa chỉ: Phòng Kế Toán

Lý do: Thanh toán cước dịch vụ di động tháng 11/2017.

Số tiền: 239.954 VNĐ

(Viết bằng chữ) : Hai trăm ba mươi chín nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng.

Kèm theo : HĐ 0561673 Chứng từ gốc

Ngày 02 tháng 12 năm 2017

Giám đốc**Kế toán trưởng****Người nhận tiền****Người lập phiếu****Thủ quỹ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm ba mươi chín nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

.....

+ Tỷ giá quy đổi:.....

.....

Biểu số 2.28: Sổ Nhật ký chung**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao****nhận hàng hóa F.D.I.**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam**Mẫu số : S03a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT –BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

ĐVT:VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
					...	...
PC	2/12	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông	6422		218.140	
008			1331	1111	21.814	239.954
HĐ	6/12	Doanh thu cước vận chuyển cho cty Thăng Long	112	5113VT	14.300.000	13.000.000
483				33311		1.300.000
					...	...
PKT	31/12	Kết chuyển chi phí giao nhận	632GN	154GN	988.624.387	988.624.387
038						
PKT	31/12	Kết chuyển chi phí ĐLHH	632HH	154HH	483.390.326	483.390.326
038						
					...	...
		Cộng phát sinh			78.025.853.355	78.025.853.355

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.29: Sổ cái chi phí quản lý kinh doanh

**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV
giao nhận hàng hóa F.D.I.**
Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số : S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Năm 2017

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
					
PC 008	2/12	Thanh toán dịch vụ viễn thông	1111	218.140	
					
PC 011	3/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	1111	1.045.280	
					
GBN 007	4/12	Phí quản lý tài khoản tháng 11/2017	1121	20.000	
					
PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		1.290.636.456
		Cộng số phát sinh		1.290.636.456	1.290.636.456
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính của Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I.**

❖ Doanh thu hoạt động tài chính của công ty bao gồm các khoản:

- Lãi tiền gửi ngân hàng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác...

❖ Chi phí tài chính của công ty bao gồm:

- Chi phí lãi vay
- Lỗ tỷ giá phát sinh trong kỳ
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác,...

2.2.4.2 .Chứng từ, sổ sách sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có, Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Sổ sách sử dụng :

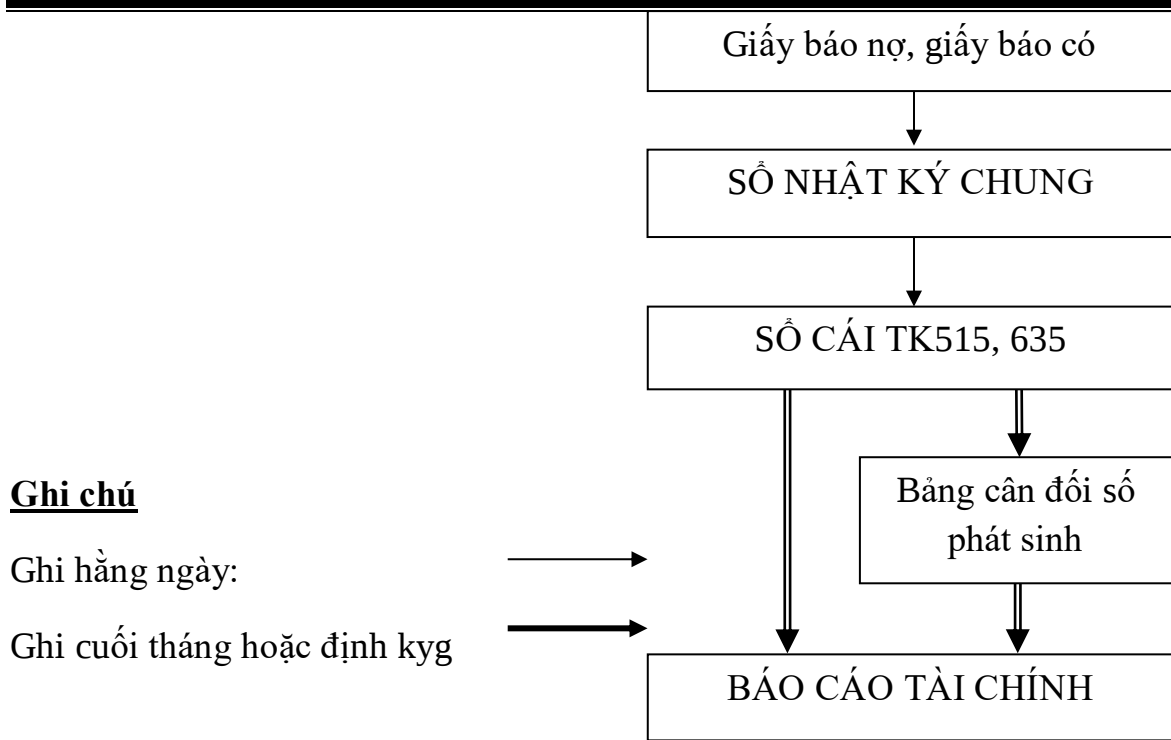
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK515, 635
- Sổ cái TK111,112,...
- Các sổ kế toán khác có liên quan.

2.2.4.3.Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan: 111,112,133,331,...

2.2.4.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính của Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I được khái quát qua sơ đồ 2.7 như sau:



Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

✚ Ví dụ doanh thu hoạt động tài chính

Ngày 25/11/2017, nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng Techcombank, số tiền 450.750 đồng theo Giấy báo có 225.

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng (**Biểu số 2.30**), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.32**), vào sổ cái TK112, TK515 (**Biểu số 2.33**)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 1121: 450.750

Có TK 515: 450.750

✚ Ví dụ chi phí tài chính

Ngày 25/11/2017, thanh toán chi phí lãi vay cho ngân hàng SHB, số tiền 584.569 đồng theo Giấy báo nợ 318.

Căn cứ giấy báo nợ của ngân hàng (**Biểu số 2.31**), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.32**) và sổ cái TK112, TK 635 (**Biểu số 2.34**)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 584.569

Có TK 1121: 584.569

Biểu số 2.30: Giấy báo có lãi tiền gửi. Ngân hàng Techcombank**NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM****Chi nhánh: Lê Hồng Phong - Hải Phòng****GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 25 tháng 11 năm 2017

Mã GDV: NMP

Số GD: 00225

Giờ: 14:20:45

Kính gửi : Chi nhánh công ty TNHH TM&DV giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng

Mã số thuế : 0302921906-002

Ngân hàng TMCP Kỹ thương xin trân trọng thông báo: tài khoản của quý khách hàng đã được ghi Có với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có : 32110000547199

Số tiền bằng số : 450.750

Số tiền bằng chữ : Bốn trăm năm mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng .

Nội dung : Lãi tiền gửi tháng 11

GIAO DỊCH VIÊN**KIỂM SOÁT**

Biểu số 2.31: Giấy báo nợ chi phí lãi vay. Ngân hàng SHB

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN HÀ NỘI
Phòng giao dịch Lạch Tray



Mã GDV: HVM

Số GD: 00318

Giờ: 09:30:15

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 25 tháng 11 năm 2017

Kính gửi : Chi nhánh công ty TNHH TM&DV giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng

Mã số thuế : 0302921906-002

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội xin trân trọng thông báo: tài khoản của quý khách hàng đã được ghi Nợ với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ : 32110000547199

Số tiền bằng số : 584.569

Số tiền bằng chữ : Năm trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng .

Nội dung : Chi phí lãi vay tháng 11

GIAO DỊCH VIÊN**KIỂM SOÁT**

Biểu số 2.32: Sổ Nhật ký chung**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao****nhận hàng hóa F.D.I.**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam**Mẫu số : S03a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT –BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

ĐVT:VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
					...	...
GBC 225	25/11	Lãi tiền gửi tháng 11	1121	515	450.750	450.750
						
GBN 318	25/11	Chi phí lãi vay tháng 11	635	1121	584.569	584.569
PC 008	2/12	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông	6422 1331	1111	218.140 21.814	239.954
						
HD 483	6/12	Doanh thu cước vận chuyển cho cty Thăng Long	112	5113VT 33311	14.300.000	13.000.000 1.300.000
					...	...
PKT 038	31/12	Kết chuyển chi phí ĐLHH	632HH	154HH	483.390.326	483.390.326
					...	...
		Cộng phát sinh			78.025.853.355	78.025.853.355

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.33: Sổ cái doanh thu hoạt động tài chính

Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV
giao nhận hàng hóa F.D.I.
 Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
 Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
 Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số : S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TK 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
					
GBC 225	25/11	Lãi tiền gửi tháng 11	1121		450.750
GBC 251	25/12	Lãi tiền gửi tháng 12	1121		501.602
PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	9.657.061	
		Cộng số phát sinh		9.657.061	9.657.061
		Số dư cuối năm			

Biểu số 2.34: Sổ cái chi phí tài chính

Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV
giao nhận hàng hóa F.D.I.
 Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
 Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
 Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số : S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TK 635

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
					
GBN 318	25/11	Chi phí lãi vay tháng 11	1121	584.569	
					
PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		66.030.237
		Cộng số phát sinh		66.030.237	66.030.237
		Số dư cuối năm			

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**2.2.5.1. Đặc điểm thu nhập khác và chi phí khác của Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I.**

- ❖ Thu nhập khác của công ty bao gồm các khoản:
 - Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến dịch vụ không tính trong doanh thu
 - Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
 - Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
 - Các khoản thu nhập khác
- ❖ Chi phí khác của công ty bao gồm:
 - Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính
 - Các khoản chi phí khác

2.2.5.2 .Chứng từ, sổ sách sử dụng

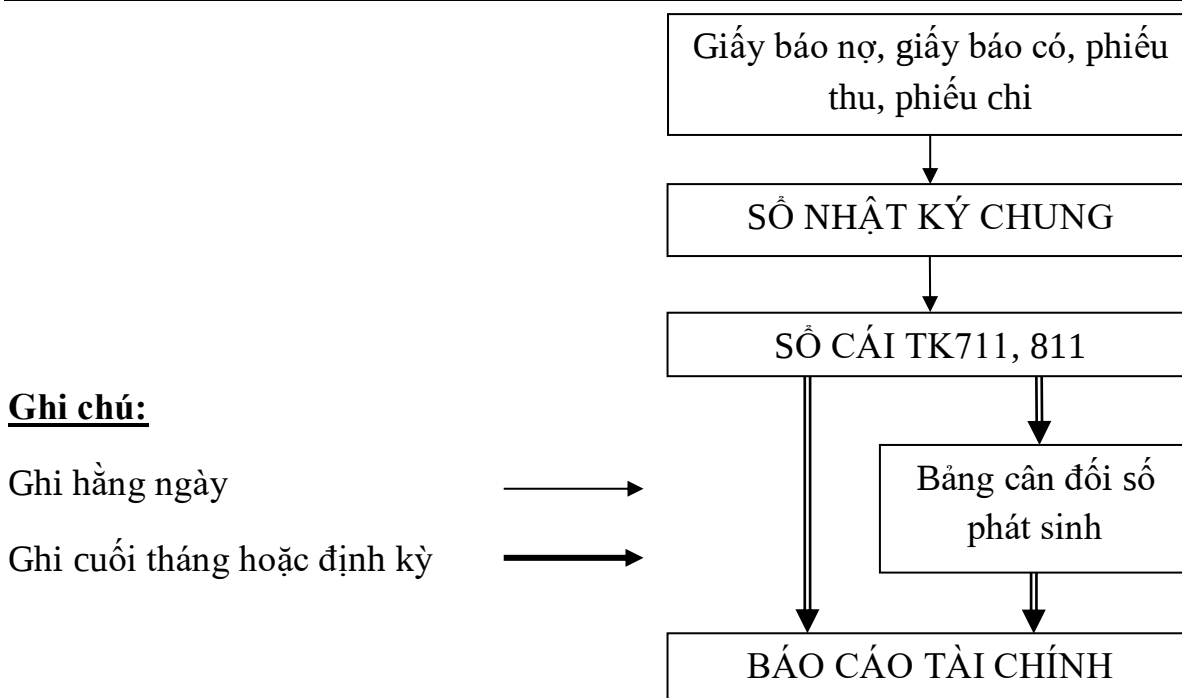
- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo có, Giấy báo nợ
 - Phiếu thu, phiếu chi
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Sổ sách sử dụng :
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK711, 811
 - Sổ cái TK111,112,...
 - Các sổ kế toán khác có liên quan.

2.2.5.3.Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 – Thu nhập khác
- Tài khoản 811 – Chi phí khác
- Các tài khoản khác có liên quan: 111,112,...

2.2.5.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác của Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I được khái quát qua sơ đồ 2.8 như sau:



Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán thu nhập khác và chi phí khác

 **Ví dụ thu nhập khác:** Ngày 18/09/2017, thu được tiền phạt do Công ty TNHH dịch vụ và đầu tư Global Việt Nam vi phạm hợp đồng, số tiền 2.500.000 theo Phiếu thu 037/09. Căn cứ vào PT037/09 (**Biểu số 2.35**) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.37**) và sổ cái TK111, TK711 (**Biểu số 2.38**)

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1111: 2.500.000

Có TK 711: 2.500.000

 **Ví dụ chi phí khác:** Ngày 25/07/2017, nộp tiền phạt vi phạm hợp đồng cho công ty CP may xuất khẩu Hà Phong, số tiền 3.000.000 đồng theo Phiếu chi 023/07. Căn cứ vào PC023/07 (**Biểu số 2.36**), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.37**) và sổ cái TK111, TK811 (**Biểu số 2.39**)

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 811: 3.000.000

Có TK 1111: 3.000.000

Biểu số 2.35: Phiếu thu tiền mặt (công ty TNHH Global)**Chi nhánh công ty TNHH TM&DV****Mẫu số : 01 - TT****giao nhận hàng hóa F.D.I**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**PHIẾU THU**

Ngày 18 tháng 09 năm 2017

Số hiệu: PT037/09

Quyển số :.....

Nợ 1111: 2.500.000

Có 711: 2.500.000

Họ và tên người nộp tiền: Công ty TNHH dịch vụ và đầu tư Global Việt Nam

Địa chỉ: Số 10 Lê Hồng Phong, P.Đông Khê, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng.

Lý do: Thu tiền phạt do chuyển hàng nhầm

Số tiền: 2.500.000 VNĐ

(Viết bằng chữ) : Hai triệu năm trăm nghìn đồng.

Kèm theo :

Chứng từ gốc

Ngày 18 tháng 09 năm 2017

Giám đốc**Kế toán trưởng****Người nộp tiền****Người lập phiếu****Thủ quỹ**

(Ký,họ tên,đóng dấu)

(Ký,họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

.....

+ Tỷ giá quy đổi:.....

.....

Biểu số 2.36: Phiếu chi tiền mặt (công ty Hà Phong)**Chi nhánh công ty TNHH TM&DV****Mẫu số : 02 – TT****giao nhận hàng hóa F.D.I**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**PHIẾU CHI**

Ngày 25 tháng 07 năm 2017

Số hiệu: PC023/07

Quyển số :.....

Nợ 811: 3.000.000

Có 1111: 3.000.000

Họ và tên người nhận tiền: Công ty cổ phần may xuất khẩu Hà Phong

Địa chỉ: Xã Đoan Bái, Huyện Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang

Lý do: Nộp phạt do chuyển hàng chậm

Số tiền: 3.000.000VNĐ

(Viết bằng chữ): Ba triệu đồng

Kèm theo :

Chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2017

Giám đốc**Kế toán trưởng****Người nhận tiền****Người lập phiếu****Thủ quỹ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu đồng

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

.....

+ Tỷ giá quy đổi:.....

.....

Biểu số 2.37: Sổ Nhật ký chung**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao****nhận hàng hóa F.D.I.**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam**Mẫu số : S03a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT –BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

ĐVT:VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
					...	...
PC 023	25/7	Nộp phạt vi phạm hợp đồng chuyển hàng	811	1111	3.000.000	3.000.000
						
PT 037	18/09	Thu tiền phạt vi phạm của công ty Global	1111	711	2.500.000	2.500.000
						
HĐ 483	6/12	Doanh thu cước vận chuyển cho cty Thăng Long	112	5113VT 33311	14.300.000	13.000.000 1.300.000
					...	...
		Cộng phát sinh			78.025.853.355	78.025.853.355

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.38: Sổ cái thu nhập khác

Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV
giao nhận hàng hóa F.D.I.
 Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
 Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
 Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số : S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TK711

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Năm 2017

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
					
PT 037	18/09	Thu tiền phạt vi phạm của công ty Global	1111		2.500.000
					
PKT 40	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	15.093.940	
		Cộng số phát sinh		15.093.940	15.093.940
		Số dư cuối năm			

Biểu số 2.39: Sổ cái chi phí khác

Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV
giao nhận hàng hóa F.D.I.
 Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
 Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
 Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số : S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TK811

Tên tài khoản: Chi phí khác

Năm 2017

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
					
PC 023	25/7	Nộp phạt vi phạm hợp đồng chuyển hàng	1111	3.000.000	
PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		6.107.466
		Cộng số phát sinh		6.107.466	6.107.466
		Số dư cuối năm			

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Các tài khoản khác có liên quan: TK511, TK515, TK632,...

2.2.6.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

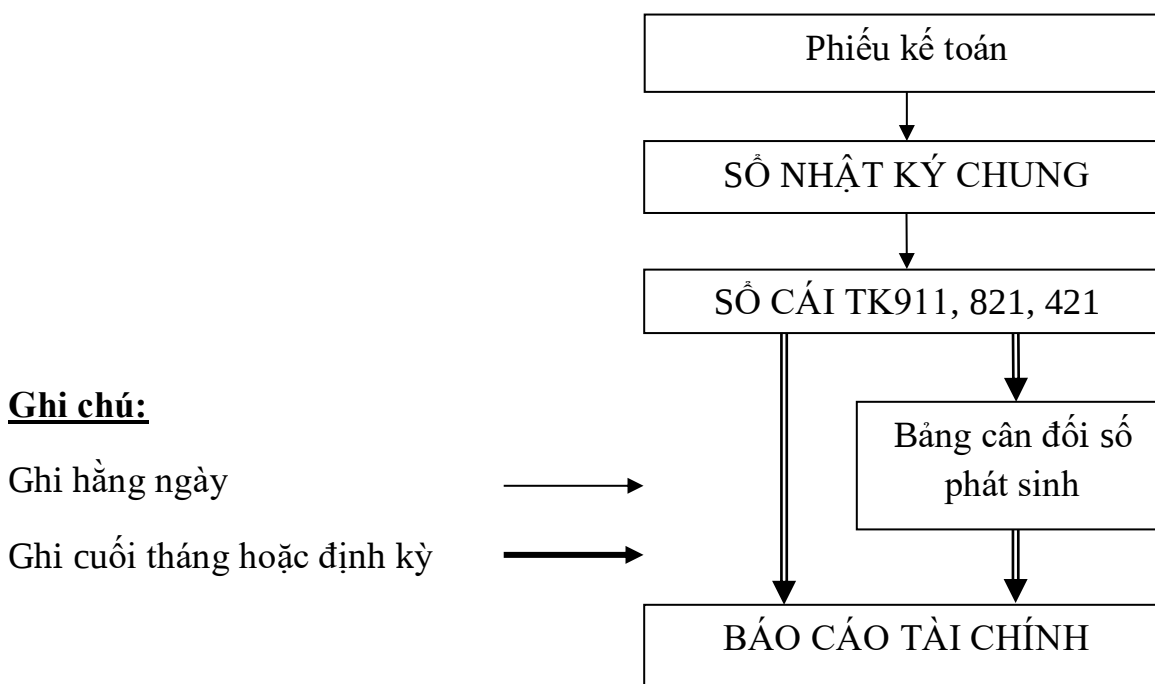
❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

❖ Sổ sách sử dụng

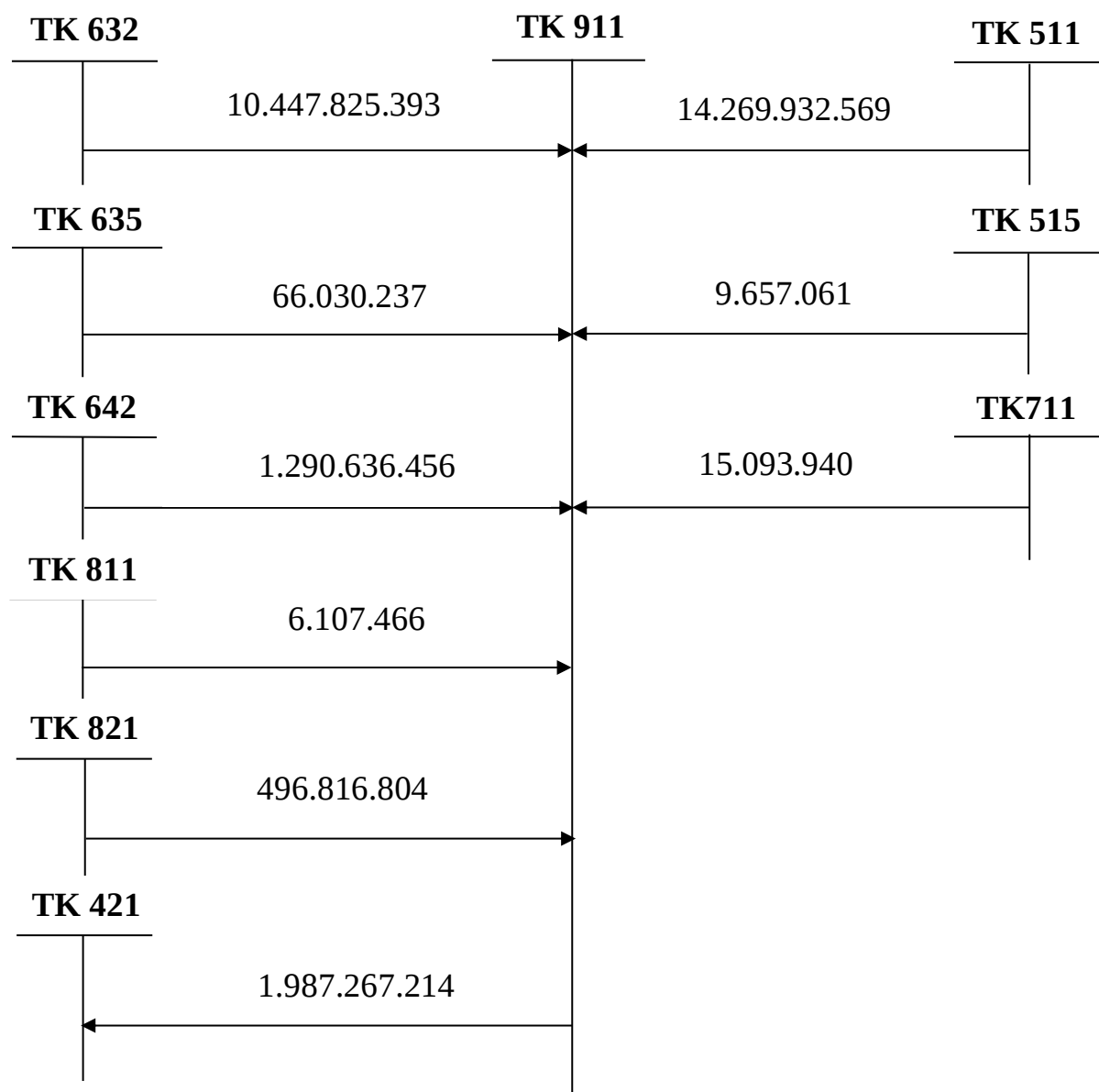
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK911, TK821, TK421.

2.2.6.3. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.9: Quy trình xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I

Kết quả xác định kết quả kinh doanh năm 2017 của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.10: Xác định kết quả kinh doanh năm 2017 của công ty

Căn cứ vào các bút toán kết chuyển, kế toán lập các phiếu kế toán để ghi sổ Nhật ký chung và sổ cái các TK911, TK821, TK421.

$$\begin{aligned}
 \text{Lợi nhuận trước thuế} &= 14.269.932.569 + 9.657.061 + 15.093.940 - 10.447.825.393 - \\
 &66.030.237 - 1.290.636.456 - 6.107.466 \\
 &= 2.484.084.818
 \end{aligned}$$

Kết quả kinh doanh năm 2017 của doanh nghiệp là lãi.

Ngày 31/12: Các bút toán kết chuyển cuối năm 2017, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK511, TK515, TK711 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 26 để kết chuyển doanh thu, thu nhập.

Biểu số 2.40: Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, thu nhập**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Q.

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 040/12

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	511	911	14.269.932.569	Kết chuyển doanh thu bán hàng	
2	515	911	9.657.061	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	
3	711	911	15.093.940	Kết chuyển thu nhập khác	
	Tổng cộng		14.294.683.570	x	x

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.41: Phiếu kế toán kết chuyển chi phí**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.**

Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 041/12

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	911	632	10.447.825.393	Kết chuyển giá vốn hàng bán	
2	911	635	66.030.237	Kết chuyển chi phí tài chính	
3	911	642	1.290.636.456	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	
4	911	811	6.107.466	Kết chuyển chi phí khác	
	Tổng cộng		11.810.599.552	x	x

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.42: Phiếu kế toán tính thuế TNDN phải nộp**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.**

Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 042/12

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	821	3334	496.816.804	Thuế TNDN phải nộp năm 2017	
	Tổng cộng		496.816.804	x	x

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập**Kế toán trưởng**

Biểu số 2.43: Phiếu kế toán kết chuyển thuế TNDN**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Q.

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 043/12

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	911	821	496.816.804	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	
	Tổng cộng		496.816.804	x	x

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.44: Phiếu kế toán kết chuyển lãi**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Q.

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 044/12

TT	TK Nợ	TK Có	Thành tiền	Diễn giải	Tên đối tượng
A	B	C	1	D	E
1	911	421	1.987.267.214	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2017	
	Tổng cộng		1.987.267.214	x	x

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.45: Sổ Nhật ký chung**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao****nhận hàng hóa F.D.I.**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q.
Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam**Mẫu số : S03a-DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT –BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

ĐVT:VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số phát sinh	
SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
					...	...
PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511 515 711	911	14.269.932.569 9.657.061 15.093.940	14.924.683.570
PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911	632 635 642 811	11.810.599.552	10.447.825.393 66.030.237 1.290.636.456 6.107.466
PKT 42	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	496.816.804	496.816.804
PKT 43	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	821	496.816.804	496.816.804
PKT 44	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	1.987.267.214	1.987.267.214
		Cộng phát sinh			78.025.853.355	78.025.853.355

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.46: Sổ cái xác định kết quả kinh doanh

**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV
giao nhận hàng hóa F.D.I.**
Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số : S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2017

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
PKT 40	31/12	Kết chuyển DTBH& CCDV	511		14.269.932.569
					
PKT 41	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	10.447.825.393	
PKT 41	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	66.030.237	
					
PKT 43	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	821	496.816.804	
PKT 44	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	1.987.267.214	
		Cộng số phát sinh		14.924.683.570	14.924.683.570
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.47: Sổ cái chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV
giao nhận hàng hóa F.D.I.
 Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
 Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
 Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số : S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TK 821

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2017

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			
PKT 42	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	496.816.804	
PKT 43	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911		496.816.804
		Cộng số phát sinh		496.816.804	496.816.804
		Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.48: Sổ cái lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV
giao nhận hàng hóa F.D.I.
 Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade
 Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông Khê,
 Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số : S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TK 421

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Năm 2017

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu năm		395.478.492	
PKT 44	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		1.987.267.214
		Cộng số phát sinh			1.987.267.214
		Số dư cuối năm			1.591.788.722

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.49: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV
giao nhận hàng hóa F.D.I.**

Mẫu số B02 – DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza
Trade Center, 20A Lê Hồng Phong, P. Đông
Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	14.269.932.569	9.852.148.225
2	Các khoản giảm trừ	02			
3	Doanh thu thuần về BH & CCDV (10=01-02)	10		14.269.932.569	9.852.148.225
4	Giá vốn hàng bán	11		10.447.825.393	7.236.485.240
5	LN gộp về BH & CCDV (20=10-11)	20		3.822.107.176	2.615.662.985
6	Doanh thu HĐTC	21		9.657.061	5.878.464
7	Chi phí tài chính	22		66.030.237	56.977.323
	Trong đó : CP lãi vay	23			
8	Chi phí QLDN	24		1.290.636.456	879.094.940
9	LN thuần từ HĐKD (30=20+21-22-24)	30		2.475.097.544	1.685.469.186
10	Thu nhập khác	31		15.093.940	17.475.547
11	Chi phí khác	32		6.107.466	10.368.115
12	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.986.474	7.107.432
13	LN trước thuế (50=30+40)	50		2.484.084.018	1.692.576.618
14	Chi phí thuế TNDN	51		496.816.804	338.515.324
15	LN sau thuế TNDN (60=50-51)	60		1.987.267.214	1.354.061.294

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 01 năm 2018
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIAO
NHẬN HÀNG HÓA F.D.I****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng.**

Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng hoạt động đến nay đã được gần 8 năm. Có thể nói, công ty đã có nhiều kinh nghiệm về vận tải trên thị trường. Trong suốt quá trình phát triển, ban lãnh đạo công ty đã tự tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng để đa dạng loại hình dịch vụ, mở rộng quy mô kinh doanh.

Công ty vừa có thành viên có nhiều năm kinh nghiệm vừa có những nhân viên trẻ, năng động, nhiệt huyết và có năng lực tốt cùng với những chính sách đãi ngộ phù hợp khuyến khích nhân viên.

Công tác kế toán của công ty, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã đáp ứng được phần nào yêu cầu quản lý cũng như giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra được những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu tại công ty, được tiếp cận với công việc thực tế cùng sự giúp đỡ, chỉ bảo nhiệt tình của các anh chị phòng kế toán tài chính, em đã có điều kiện áp dụng những kiến thức đã học ở trường và học hỏi được rất nhiều. Sau đây, em xin đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng.

3.1.1. Ưu điểm**❖ Về việc tổ chức bộ máy kế toán:**

Là một công ty có quy mô nhỏ, hoạt động chủ yếu là kinh doanh dịch vụ, vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là khá phù hợp. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng riêng của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của mỗi kế toán viên cũng như tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy năng lực làm việc của bản thân.

Bộ phận kế toán có ba người gồm một kế toán trưởng và hai kế toán viên rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại chi nhánh. Thông tin kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ chính xác nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi và thực hiện dễ dàng, đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

❖ Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu, vừa tiết kiệm thời gian mà vẫn cung cấp được đầy đủ thông tin. Công việc tính toán đều được thực hiện Excel giúp cho công việc kế toán được chính xác, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và công sức.

❖ Về chứng từ kế toán sử dụng

Công ty áp dụng theo chế độ kế toán Việt Nam, theo hướng dẫn tại Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

- Chế độ chứng từ: Các chứng từ kế toán đều thuộc loại hướng dẫn (không bắt buộc), doanh nghiệp được tự thiết kế mẫu chứng từ kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng phải đảm bảo các nội dung chủ yếu và phải đảm bảo cung cấp những thông tin theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán.

Tất cả các chứng từ của công ty đều được sắp xếp rất hợp lý và khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được đảm bảo an toàn theo quy định của Nhà nước. Vì vậy việc kiểm tra, kiểm soát chứng từ rất dễ dàng, nhanh chóng.

❖ Về sổ sách kế toán sử dụng

Doanh nghiệp được tự thiết kế mẫu sổ, thẻ kế toán phù hợp với các đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý nhưng phải đảm bảo trình bày thông tin đầy đủ, rõ ràng, dễ kiểm tra, kiểm soát.

Các mẫu sổ không cứng nhắc bắt buộc mà tùy theo đặc điểm hoạt động, tình hình thực tế và yêu cầu quản lý nên hiệu quả công việc cao hơn.

❖ Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản trong bảng hệ thống tài khoản theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung là hoàn toàn phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ.

❖ Về công tác kế toán chi phí:

Chi phí là một vấn đề luôn được các nhà quản lý quan tâm, cân nhắc và muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đã đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

❖ **Về công tác kế toán doanh thu:**

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

❖ **Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:**

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2. Hạn chế

❖ **Về sổ sách kế toán sử dụng**

Tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng chưa mở sổ chi tiết cho các tài khoản 5113VT, 5113GN, 5113HH, 632VT, 632GN, 632HH.

❖ **Về tài khoản sử dụng**

Chi phí quản lý doanh nghiệp được tập hợp chung trên TK 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh” mà không được chi tiết theo từng khoản mục, ảnh hưởng đến việc quản lý chi phí. Chi phí này thường khá lớn trong tổng chi phí, do vậy công ty cần chi tiết tài khoản này theo chế độ, đảm bảo việc theo dõi được chặt chẽ, góp phần giảm chi phí gián tiếp cho công ty

❖ **Về công tác ghi chép sổ sách kế toán:**

Hiện nay công tác kế toán tại đơn vị vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành làm việc trên Excel nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn còn chậm, dễ nhầm lẫn, thiếu sót. Trong thời kỳ công nghệ thông tin ngày càng phát triển, phần mềm kế toán được áp dụng nhiều trong kế toán, điều này mang lại hiệu quả và tính chính xác cao. Do vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, loại hình của doanh nghiệp mình để góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý cũng như tiết kiệm được thời gian, công sức trong việc ghi sổ sách, tính toán số liệu.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng.

Qua việc tìm hiểu về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng, cá nhân em thấy được quá trình hoạt động kinh doanh tại công ty có rất nhiều điểm tích cực nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế. Để góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng, đồng thời thuận lợi cho việc quản lý, ra quyết định của nhà quản trị, em xin đưa ra một số giải pháp như sau:

❖ Ý kiến 1: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán

Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn để dễ dàng kiểm soát được doanh thu, chi phí.

📌 Ví dụ minh họa:

Với nghiệp vụ doanh thu cung cấp dịch vụ và giá vốn cung cấp dịch vụ tại chương 2, ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung sổ cái tài khoản 511, sổ cái tài khoản 632 và sổ chi tiết doanh thu cung cấp dịch vụ và giá vốn cung cấp dịch vụ cho từng loại dịch vụ của công ty. Cụ thể như sau:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000483, kế toán vào sổ chi tiết dịch vụ vận tải **(Biểu số 3.1)**. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0162335 và Phiếu kết chuyển chi phí dịch vụ (Biểu 2.20), kế toán vào sổ chi tiết giá vốn loại dịch vụ vận tải **(Biểu số 3.2)**, giao nhận, đại lý hàng hải.

Biểu số 3.1 – Sổ chi tiết bán hàng (DV vận tải)**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.****Mẫu số S16-DNN**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong,
P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của
Bộ Tài chính)**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Dịch vụ vận tải

Năm: 2017

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Phát sinh trong năm						
									
6/12	HĐ483	6/12	V/C cho cty Thăng Long	112	1	4.200.000	4.200.000		
6/12	HĐ483	6/12	V/C cho cty Thăng Long	112	2	4.400.000	8.800.000		
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.****Mẫu số S17-DNN**Tầng 5 (phòng 502A), Tòa nhà Plaza Trade Center, 20A Lê Hồng Phong,
P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của
Bộ Tài chính)**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 632VT

Tên sản phẩm, dịch vụ: Dịch vụ vận tải

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK632VT							
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
						...	...	...	...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8
			Số dư đầu kỳ									
												
31/12	HD 0162335	31/12	Mua dầu DO 0,05S	112	512.744.650							
												
			Cộng phát sinh trong kỳ									
			Ghi có TK632									
			Số dư cuối kỳ									

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12, năm 2017
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Ý kiến 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo từng hoạt động

Công ty hiện đang phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp vào “Tài khoản tổng hợp 642 – Chi phí quản lý kinh doanh”.

Để kiểm soát chi phí được chặt chẽ, chính xác, hiệu quả hơn, công ty nên phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo từng hoạt động, từ đó biết được hoạt động nào có lãi để đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn.

Công thức phân bổ chi phí kinh doanh:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Chi phí quản lý} & & \text{Tổng chi phí quản lý} & & \\ \text{kinh doanh của} & & \text{kinh doanh} & & \text{Doanh thu} \\ \text{từng loại hoạt} & = & \frac{\text{kinh doanh}}{\text{Tổng doanh thu các loại}} & \times & \text{của từng loại} \\ \text{động} & & \text{hoạt động} & & \text{hoạt động} \end{array}$$

✚ Ví dụ minh họa:

Căn cứ vào Bảng tổng hợp sổ cái doanh thu cung cấp dịch vụ và sổ cái chi phí quản lý kinh doanh tại chương 2, kế toán phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo công thức trên.

Sau khi phân bổ chi phí quản lý kinh doanh, căn cứ vào Bảng tổng hợp sổ cái giá vốn cung cấp dịch vụ, kế toán tiến hành lập Bảng xác định kết quả kinh doanh của từng hoạt động (**Biểu số 3.3**) để đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp

Biểu số 3.3 - Bảng xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động

TT	Hoạt động	Doanh thu		Giá vốn		Chi phí QLKD		KQKD	
		Số tiền (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
1	Vận tải	11.865.297.225	83	8.975.810.680	86	1.073.150.492	83	1.816.336.053	72
2	Giao nhận	1.538.415.634	11	988.624.387	9	139.141.183	11	410.650.064	16
3	Đại lý hàng hải	866.219.710	6	483.390.326	5	78.344.781	6	304.484.603	12
	Cộng	14.269.932.569	100	10.447.825.393	100	1.290.636.456	100	2.531.470.720	100

Qua bảng số liệu trên ta thấy:

Kết quả kinh doanh của tất cả các hoạt động đều rất tốt, đều mang lại lợi nhuận cho công ty.

Trong 3 hoạt động thì vận tải là hoạt động chủ lực của công ty, chiếm tỷ trọng cao nhất về cả doanh thu (83%) và kết quả kinh doanh (72%) nhưng tỷ trọng về kết quả kinh doanh vẫn thấp hơn doanh thu 11%. Doanh nghiệp cần tiếp tục phát huy để mang lại kết quả kinh doanh cao hơn nữa.

Hoạt động giao nhận và đại lý hàng hải mặc dù chỉ chiếm tỷ trọng thấp về doanh thu (giao nhận 11%, đại lý hàng hải 6%) nhưng tỷ trọng về kết quả kinh doanh lại cao hơn tỷ trọng doanh thu (giao nhận 16%, đại lý hàng hải 12%). Đặc biệt là hoạt động về đại lý hàng hải, tuy tỷ trọng luôn thấp nhất trong 3 hoạt động nhưng tỷ trọng kết quả kinh doanh lại cao gấp đôi tỷ trọng doanh thu. Điều này cho thấy hoạt động đại lý hàng hải đem lại kết quả kinh doanh tốt hơn 2 hoạt động còn lại, vì vậy doanh nghiệp cần tiếp tục cố gắng phát huy, đẩy mạnh hoạt động này.

❖ Ý kiến 3: Ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán

Phần mềm kế toán là một hệ thống thông tin được tổ chức dưới dạng một chương trình máy tính (Computer Program). Người dùng phần mềm kế toán, cụ thể là các kế toán viên, thủ kho, quản lý, CEO,... nhập số liệu đầu vào là các hóa đơn, chứng từ kế toán,... Dựa vào các cấu trúc, câu lệnh, quy trình tự động có sẵn, phần mềm kế toán sẽ xử lý dữ liệu đầu vào và xuất ra các báo cáo tài chính kế toán cho người dùng, giúp họ tiết kiệm thời gian và chi phí nhất có thể.

Hiện nay tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng chưa áp dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính. Đơn vị nên chọn mua phần mềm kế toán thích hợp để giảm thiểu công việc gây tốn hao sức người và thời gian, mang lại hiệu quả cao trong công việc, dễ dàng trong chỉnh sửa khi có sai sót. Đơn vị có thể tham khảo lựa chọn trong rất nhiều phần mềm kế toán chuyên dụng đáp ứng yêu cầu hỗ trợ công tác kế toán đạt hiệu quả như mong muốn. Ngoài ra nhà nước cũng cho phép các doanh nghiệp có thể đặt mua phần mềm kế toán riêng phù hợp với điều kiện, mô hình đơn vị. Khi tiếp nhận phần mềm kế toán cần kịp thời hướng dẫn, đào tạo nhân viên kế toán sử dụng tốt. Tuy nhiên với các phần mềm này đòi hỏi phải kiểm tra kỹ để đáp ứng đúng quy định của pháp luật của nhà nước đã ban hành. Giải pháp này đảm bảo đơn vị sẽ xây dựng được công tác kế toán hoàn thiện, chính xác. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận kịp thời, nhanh gọn, giúp báo cáo kế toán chính xác và có độ tin cậy cao. Dưới đây là một số đề xuất các phần mềm kế toán tiện dụng và phù hợp với doanh nghiệp.

** Phần mềm kế toán Misa**

Phần mềm kế toán MISA SME.NET là một phần mềm được tạo ra chuyên để phục vụ cho công việc kế toán tại các DN vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Lương, Giá thành, Tổng hợp,...

Ưu điểm:

- Giao diện: Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng.
- Điểm cộng: Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu – mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau, độc lập. Một điểm cộng nữa là khả năng thao tác lưu, ghi sổ dữ liệu cực tốt.
- Độ chính xác cao: Số liệu tính toán trong phần mềm MISA cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra các sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là cực hiếm.

- Khả năng bảo mật: Công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như tuyệt đối an toàn vì phần mềm MISA chạy trên cơ sở dữ liệu SQL.

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA nên nếu máy tính cài đặt MISA quá yếu sẽ chạy ì
- Tốc độ xử lý dữ liệu hơi chậm

MISA SME.NET tính đến nay đã có thể triển khai cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực kinh doanh: Xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ, sản xuất,...Phiên bản mới nhất của MISA SME.NET là 2017, với công nghệ microsoft.NET, CSDL SQL Server Express, phần mềm MISA SME.NET 2017 luôn đảm bảo an toàn tối đa cho doanh nghiệp.

Báo giá bán phần mềm kế toán MISA:

- Gói Starter: 2.950.000 đồng

Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 - đầy đủ 16 phân hệ

Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 1.000 chứng từ/năm

- Gói Standard: 6.950.000 đồng

Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 – 11 phân hệ

Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm

- Gói Professional: 9.950.000 đồng

Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 – 13 phân hệ

Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm

- Gói Enterprise: 12.950.000 đồng

Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 – đầy đủ 16 phân hệ

Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm

 Phần mềm kế toán Fast

Là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến cấp tập đoàn. Các doanh nghiệp lớn đến cấp tập đoàn thì nên dùng phần mềm kế toán fast.

Như MISA, Fast cũng có nhiều ưu điểm như: giao diện thân thiện, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, Fast có một hệ thống báo cáo đa dạng người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình.

- Tốc độ xử lý tương đối tốt.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel.
- Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.
- Dễ dàng truy xuất thông tin.

Nhược điểm:

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.
- Độ bảo mật chưa thực sự ấn tượng.
- Các hướng dẫn đính kèm còn sơ sài, chưa rõ ràng, làm thành từng video như

MISA

Báo giá phần mềm kế toán FAST:

Loại hình doanh nghiệp	Giá phần mềm
Dịch vụ (12 phân hệ)	5.900.000
Thương mại (13 phân hệ)	7.900.000
Xây lắp (14 phân hệ)	9.900.000
Sản xuất (15 phân hệ)	11.900.000

Phần mềm kế toán 3TSOFT

Về sản phẩm

- ✓ Phần mềm kế toán 3Tsoft đã được chứng nhận đăng ký bản quyền tác giả tháng 10/2010 do Cục bản quyền tác giả theo số 2671/2010/QTG.
- ✓ Giá thành cực thấp với phiên bản Tiếng Việt (Bao gồm TT200 & TT133) mức phí: 2.000.000 đồng 01 bản quyền trọn đời.
- ✓ Với ưu đãi cực lớn như: Tặng 1 năm hỗ trợ, bảo trì miễn phí, cập nhật nâng cấp thay đổi phiên bản không mất thêm chi phí.
- ✓ Video kế toán máy, nghiệp vụ mẫu phong phú.

Các ưu điểm vượt trội so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường

- Dùng thử không giới hạn thời gian, đầy đủ tiện ích, không bị ảnh hưởng dữ liệu đã nhập khi chuyển từ dùng thử sang dùng chính thức.
- Tích hợp máy quét mã vạch.
- Phần mềm có tốc độ xử lý nhanh, gọn nhẹ, phím tắt đồng nhất các phần hành giúp người dùng cắt giảm hầu hết các thao tác “nút bấm” và “click chuột”..., nâng cao tốc độ tác nghiệp, tiết kiệm thời gian...
- Bản quyền kép cho phép sao chép nhiều chứng từ sử dụng chung cho dữ liệu Thuế - Nội bộ, Công ty mẹ - các chi nhánh,...
- Không giới hạn số máy tính sử dụng, số người sử dụng.

- Không giới hạn số công ty trên một phần mềm.
- Cho phép kết nối dữ liệu qua Internet.
- Cho phép cập nhật 100% dữ liệu từ Excel bao gồm: các chứng từ nhập – xuất, thu – chi, danh mục đối tượng, vật tư hàng hóa, số dư đầu kỳ tài khoản, tồn kho đầu kỳ,...
- Kết xuất nhanh chóng tờ khai thuế, BCTC sang trực tiếp ứng dụng HTKK
- Phần mềm đa ngôn ngữ: Tiếng Việt; Việt – Anh; Việt – Nhật; Việt – Trung; Việt – Hàn.
- Linh hoạt sửa mẫu báo cáo, in ấn chứng từ, sổ sách hàng loạt một cách dễ dàng, đánh lại số chứng từ hàng loạt theo yêu cầu của người sử dụng.
- Tính giá vốn, tính khấu hao và tính chênh lệch tỷ giá tự động.
- Chức năng kiểm tra sai sót sửa chữa báo cáo chứng từ nhanh chóng tiện ích.
- Sao lưu – phục hồi, truyền nhận dữ liệu dễ dàng giữa các máy tính.
- Vận dụng linh hoạt cho mọi loại hình dịch vụ, thương mại, sản xuất, xây dựng.
- Cho phép mở nhiều cửa sổ cùng lúc, thuận tiện cho việc đối chiếu, kiểm tra
- Sử dụng công nghệ hiện đại . NET + Microsoft SOL Server.
- Hỗ trợ Unicode.
- Và nhiều tính năng ưu việt khác...

Căn cứ vào các ưu, nhược điểm, giá cả và tính năng của 3 phần mềm nêu trên, em tư vấn công ty nên sử dụng phần mềm kế toán 3TSOFT vì phần mềm này vừa phù hợp với đặc điểm loại hình kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp, có nhiều tính năng vượt trội hơn nữa chi phí tương đối thấp đáp ứng được nhu cầu của công ty.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng, cũng như nhận thấy được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh em đã lựa chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I tại Hải Phòng”** làm đề tài khóa luận.

Đề tài đã giải quyết được một số vấn đề sau:

❖ Về mặt lý luận: Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

❖ Về mặt thực tiễn:

- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2017 tại Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I.
- Đánh giá được những ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng.

.2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH TM & DV giao nhận hàng hóa F.D.I :

- Giải pháp thứ nhất: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán
- Giải pháp thứ hai: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo từng hoạt động
- Giải pháp thứ ba: Ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Chi nhánh công ty TNHH thương mại và dịch vụ giao nhận hàng hóa F.D.I, tài liệu kế toán (2017)
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.
